

THÔNG BÁO

Lịch giảng - Lịch thi hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao (TABP), chương trình đặc biệt
Học kỳ 2 năm học 2024 - 2025

- HK1 bắt đầu từ tuần 1: Thứ hai ngày 10/02/2025

- Ngày nghỉ trong học kỳ:

- + Thứ 7 tuần 2, thứ 7 tuần 19: Sinh hoạt lớp.
- + Thi KTHP đợt 2 (HK1): từ ngày 17/02/2025 đến 21/2/2025 (Khóa 10, 11)
- + Thứ 7 tuần 8 và Thứ 2 tuần 9: Lễ giỗ Tổ (không bố trí lịch giảng)
- + Thứ 4,5,6,7 tuần 12: Lễ 30/4/2025 (không bố trí lịch giảng)
- + Thi KTHP đợt 1: từ ngày 23/4/2025 đến 29/4/2025
- + Thi KTHP đợt 2: từ ngày 14/7/2025 đến 19/7/2025

Giờ học bắt đầu và kết thúc:

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)

Sáng	Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15
	Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)
	Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05

Ca thi - Giờ thi:

Chiều	Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15	Ca 1:	7g00
	Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)	Ca 2:	9g30
	Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05	Ca 3:	13g00
		Ca 4:	15g30

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 10 NHÓM 1	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA01	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	401	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S1	TĐ	K10N01		X		
2	MAG310_242_10_TA01	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	7 6	1,3-7,9,10 8	401 401	36 TTĐ	NH	25/04/2025	1	Q.1	K10N01				
3	FIN310_242_10_L01	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	401	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S1	TĐ	K10N01		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	MLM309_242_10_L01	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-7	401	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S1	TĐ	K10N01		X		
5	FIN308_242_10_TA01	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2	13-21	401	36 TTĐ	TC	14/07/2025	1	Q.1	K10N01				
6	BAF307_242_10_TA01	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	4	13-21	401	36 TTĐ	NH	16/07/2025	1	Q.1	K10N01				
7	SKL312_242_10_L01	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	6	13-18	401	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N01				
	KHÓA 10 NHÓM 2	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA02	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	401	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S1	TĐ	K10N02		X		
2	MAG310_242_10_TA02	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	7 6	1,3-7,9,10 8	401 401	36 TTĐ	NH	25/04/2025	1	Q.1	K10N02				
3	FIN310_242_10_L02	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	401	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S1	TĐ	K10N02		X		
4	MLM309_242_10_L02	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-7	401	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S1	TĐ	K10N02		X		
5	FIN308_242_10_TA02	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2	13-21	401	36 TTĐ	TC	14/07/2025	1	Q.1	K10N02				
6	BAF307_242_10_TA02	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	4	13-21	401	36 TTĐ	NH	16/07/2025	1	Q.1	K10N02				
7	SKL312_242_10_L02	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	6	13-18	401	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N02				
	KHÓA 10 NHÓM 3	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA03	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-10	401	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S1	TĐ	K10N03		X		
2	MAG310_242_10_TA03	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	402	36 TTĐ	NH	25/04/2025	1	Q.1	K10N03				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	FIN310_242_10_L03	Nghị quyết Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2 7	1,3-8,10 9	401 402	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S1	TĐ	K10N03		X		
4	MLM309_242_10_L03	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	7	1,3-7	402	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S1	TĐ	K10N03		X		
5	FIN308_242_10_TA03	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	401	36 TTĐ	TC	14/07/2025	1	Q.1	K10N03				
6	BAF307_242_10_TA03	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	401	36 TTĐ	NH	16/07/2025	1	Q.1	K10N03				
7	SKL312_242_10_L03	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	7	13-18	401	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N03				
	KHÓA 10 NHÓM 4	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA04	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-10	401	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S1	TĐ	K10N04		X		
2	MAG310_242_10_TA04	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	402	36 TTĐ	NH	25/04/2025	1	Q.1	K10N04				
3	FIN310_242_10_L04	Nghị quyết Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2 7	1,3-8,10 9	401 402	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S1	TĐ	K10N04		X		
4	MLM309_242_10_L04	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	7	1,3-7	402	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S1	TĐ	K10N04		X		
5	FIN308_242_10_TA04	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	401	36 TTĐ	TC	14/07/2025	1	Q.1	K10N04				
6	BAF307_242_10_TA04	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	401	36 TTĐ	NH	16/07/2025	1	Q.1	K10N04				
7	SKL312_242_10_L04	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	7	13-18	401	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N04				
	KHÓA 10 NHÓM 5	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA05	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S1	TĐ	K10N05		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	MAG310_242_10_TA05	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-10	402	36 TTĐ	NH	25/04/2025	2	Q.1	K10N05				
3	FIN310_242_10_L05	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	402	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S1	TĐ	K10N05		X		
4	MLM309_242_10_L05	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-7	402	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S1	TĐ	K10N05		X		
5	FIN308_242_10_TA05	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	402	36 TTĐ	TC	14/07/2025	2	Q.1	K10N05				
6	BAF307_242_10_TA05	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 3	13-18,20,21 19	402 402	36 TTĐ	NH	16/07/2025	2	Q.1	K10N05				
7	SKL312_242_10_L05	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	3	13-18	402	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N05				
	KHÓA 10 NHÓM 6	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA06	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S2	TĐ	K10N06		X		
2	MAG310_242_10_TA06	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-10	402	36 TTĐ	NH	25/04/2025	2	Q.1	K10N06				
3	FIN310_242_10_L06	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	402	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S2	TĐ	K10N06		X		
4	MLM309_242_10_L06	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-7	402	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S2	TĐ	K10N06		X		
5	FIN308_242_10_TA06	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	402	36 TTĐ	TC	14/07/2025	2	Q.1	K10N06				
6	BAF307_242_10_TA06	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 3	13-18,20,21 19	402 402	36 TTĐ	NH	16/07/2025	2	Q.1	K10N06				
7	SKL312_242_10_L06	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	3	13-18	402	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N06				
	KHÓA 10 NHÓM 7	TCNH																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	BAF308_242_10_TA07	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S2	TĐ	K10N07		X		
2	MAG310_242_10_TA07	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	25/04/2025	2	Q.1	K10N07				
3	FIN310_242_10_L07	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 8	403	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S2	TĐ	K10N07		X		
4	MLM309_242_10_L07	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-7	404	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S2	TĐ	K10N07		X		
5	FIN308_242_10_TA07	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	402	36 TTĐ	TC	14/07/2025	2	Q.1	K10N07				
6	BAF307_242_10_TA07	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	403	36 TTĐ	NH	16/07/2025	2	Q.1	K10N07				
7	SKL312_242_10_L07	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	2	13-18	402	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N07				
	KHÓA 10 NHÓM 8	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA08	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	28/04/2025	S2	TĐ	K10N08		X		
2	MAG310_242_10_TA08	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	403	36 TTĐ	NH	25/04/2025	2	Q.1	K10N08				
3	FIN310_242_10_L08	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 8	403 404	36 TTĐ	TC	26/04/2025	S2	TĐ	K10N08		X		
4	MLM309_242_10_L08	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-7	404	36 TTĐ	LLCT	23/04/2025	S2	TĐ	K10N08		X		
5	FIN308_242_10_TA08	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	402	36 TTĐ	TC	14/07/2025	2	Q.1	K10N08				
6	BAF307_242_10_TA08	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	403	36 TTĐ	NH	16/07/2025	2	Q.1	K10N08				
7	SKL312_242_10_L08	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	2	13-18	402	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N08				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 10 NHÓM 9	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA09	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 8	B2.102 B2.102	TĐ	NH	28/04/2025	S2	TĐ	K10N09		X		
2	MAG310_242_10_TA09	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-10	B2.102	TĐ	NH	25/04/2025	4	TĐ	K10N09				
3	FIN310_242_10_L09	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-10	B2.102	TĐ	TC	26/04/2025	S2	TĐ	K10N09		X		
4	MLM309_242_10_L09	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-7	B2.102	TĐ	LLCT	23/04/2025	S2	TĐ	K10N09		X		
5	FIN308_242_10_TA09	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 4	13-18,20,21 19	B2.102 B2.102	TĐ	TC	14/07/2025	1	TĐ	K10N09				
6	BAF307_242_10_TA09	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	B2.102	TĐ	NH	16/07/2025	1	TĐ	K10N09				
7	SKL312_242_10_L09	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	4	13-18	B2.102	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N09				
	KHÓA 10 NHÓM 10	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA10	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 3	1,3-7,9,10 8	B2.102 B2.102	TĐ	NH	28/04/2025	S2	TĐ	K10N10		X		
2	MAG310_242_10_TA10	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-10	B2.102	TĐ	NH	25/04/2025	4	TĐ	K10N10				
3	FIN310_242_10_L10	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-10	B2.102	TĐ	TC	26/04/2025	S2	TĐ	K10N10		X		
4	MLM309_242_10_L10	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-7	B2.102	TĐ	LLCT	23/04/2025	S2	TĐ	K10N10		X		
5	FIN308_242_10_TA10	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 4	13-18,20,21 19	B2.102 B2.105	TĐ	TC	14/07/2025	1	TĐ	K10N10				
6	BAF307_242_10_TA10	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	B2.102	TĐ	NH	16/07/2025	1	TĐ	K10N10				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	SKL312_242_10_L10	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	4	13-18	B2.102	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N10				
	KHÓA 10 NHÓM 11	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA11	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	28/04/2025	S3	TĐ	K10N11		X		
2	MAG310_242_10_TA11	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	7 6	1,3-7,9,10 8	B2.103 B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	4	TĐ	K10N11				
3	FIN310_242_10_L11	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.102	TĐ	TC	26/04/2025	S3	TĐ	K10N11		X		
4	MLM309_242_10_L11	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-7	B2.103	TĐ	LLCT	23/04/2025	S3	TĐ	K10N11		X		
5	FIN308_242_10_TA11	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2	13-21	B2.102	TĐ	TC	14/07/2025	1	TĐ	K10N11				
6	BAF307_242_10_TA11	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	4	13-21	B2.103	TĐ	NH	16/07/2025	1	TĐ	K10N11				
7	SKL312_242_10_L11	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	6	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N11				
	KHÓA 10 NHÓM 12	TCNH																				
1	BAF308_242_10_TA12	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	28/04/2025	S3	TĐ	K10N12		X		
2	MAG310_242_10_TA12	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	7 6	1,3-7,9,10 8	B2.103 B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	4	TĐ	K10N12				
3	FIN310_242_10_L12	Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.102	TĐ	TC	26/04/2025	S3	TĐ	K10N12		X		
4	MLM309_242_10_L12	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-7	B2.103	TĐ	LLCT	23/04/2025	S3	TĐ	K10N12		X		
5	FIN308_242_10_TA12	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2	13-21	B2.102	TĐ	TC	14/07/2025	1	TĐ	K10N12				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
6	BAF307_242_10_TA12	Thanh toán quốc tế (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	4	13-21	B2.103	TĐ	NH	16/07/2025	1	TĐ	K10N12				
7	SKL312_242_10_L12	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	6	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N12				
	KHÓA 10 NHÓM 13	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA13	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2 7	1,3-8,10 10	B2.102 B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N13				
2	BAF311_242_10_TA13	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N13				
3	MLM309_242_10_L13	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	7	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	S3	TĐ	K10N13		X		
4	BAF308_242_10_TA13	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S1	TĐ	K10N13		X		
5	MAG310_242_10_TA13	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	B2.102	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N13				
6	FIN309_242_10_TA13	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	B2.102	TĐ	TC	16/07/2025	1	TĐ	K10N13				
7	SKL312_242_10_L13	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	7	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N13				
	KHÓA 10 NHÓM 14	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA14	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2 7	1,3-8,10 10	B2.102 B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N14				
2	BAF311_242_10_TA14	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N14				
3	MLM309_242_10_L14	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	7	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	S3	TĐ	K10N14		X		
4	BAF308_242_10_TA14	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S1	TĐ	K10N14		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
5	MAG310_242_10_TA14	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	B2.102	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N14				
6	FIN309_242_10_TA14	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	B2.102	TĐ	TC	16/07/2025	1	TĐ	K10N14				
7	SKL312_242_10_L14	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	7	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N14				
	KHÓA 10 NHÓM 15	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA15	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N15				
2	BAF311_242_10_TA15	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N15				
3	MLM309_242_10_L15	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	S3	TĐ	K10N15		X		
4	BAF308_242_10_TA15	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	4	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S1	TĐ	K10N15		X		
5	MAG310_242_10_TA15	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	B2.105	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N15				
6	FIN309_242_10_TA15	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2	13-21	B2.103	TĐ	TC	16/07/2025	1	TĐ	K10N15				
7	SKL312_242_10_L15	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	3	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N15				
	KHÓA 10 NHÓM 16	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA16	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N16				
2	BAF311_242_10_TA16	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-10	B2.103	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N16				
3	MLM309_242_10_L16	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	C1	TĐ	K10N16		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	BAF308_242_10_TA16	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	4	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S1	TĐ	K10N16		X		
5	MAG310_242_10_TA16	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	B2.105	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N16				
6	FIN309_242_10_TA16	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2	13-21	B2.103	TĐ	TC	16/07/2025	1	TĐ	K10N16				
7	SKL312_242_10_L16	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	3	13-18	B2.103	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N16				
	KHÓA 10 NHÓM 17	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA17	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N17				
2	BAF311_242_10_TA17	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-10	B2.105	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N17				
3	MLM309_242_10_L17	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	C1	TĐ	K10N17		X		
4	BAF308_242_10_TA17	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S1	TĐ	K10N17		X		
5	MAG310_242_10_TA17	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	7 2	13-18,20,21 19	B2.104 B2.104	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N17				
6	FIN309_242_10_TA17	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	B2.103	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N17				
7	SKL312_242_10_L17	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	2	13-18	B2.104	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N17				
	KHÓA 10 NHÓM 18	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA18	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N18				
2	BAF311_242_10_TA18	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-10	B2.105	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N18				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	MLM309_242_10_L18	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-7	B2.104	TĐ	LLCT	23/04/2025	C1	TĐ	K10N18		X		
4	BAF308_242_10_TA18	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S2	TĐ	K10N18		X		
5	MAG310_242_10_TA18	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	7 2	13-18,20,21 19	B2.104 B2.104	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N18				
6	FIN309_242_10_TA18	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	B2.103	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N18				
7	SKL312_242_10_L18	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	2	13-18	B2.104	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N18				
	KHÓA 10 NHÓM 19	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA19	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	1,3-10	B2.106	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N19				
2	BAF311_242_10_TA19	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 9	B2.105 B2.105	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N19				
3	MLM309_242_10_L19	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C1	TĐ	K10N19		X		
4	BAF308_242_10_TA19	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S2	TĐ	K10N19		X		
5	MAG310_242_10_TA19	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	B2.105	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N19				
6	FIN309_242_10_TA19	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 4	13-18,20,21 20	B2.105 B2.206	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N19				
7	SKL312_242_10_L19	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	4	13-18	B2.105	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N19				
	KHÓA 10 NHÓM 20	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA20	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	1,3-10	B2.106	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N20				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	BAF311_242_10_TA20	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	7 3	1,3-7,9,10 9	B2.105 B2.105	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N20				
3	MLM309_242_10_L20	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C1	TĐ	K10N20		X		
4	BAF308_242_10_TA20	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	B2.104	TĐ	NH	14/07/2025	S2	TĐ	K10N20		X		
5	MAG310_242_10_TA20	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	B2.105	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N20				
6	FIN309_242_10_TA20	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 4	13-18,20,21 20	B2.105 B2.105	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N20				
7	SKL312_242_10_L20	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	4	13-18	B2.105	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N20				
	KHÓA 10 NHÓM 21	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA21	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.106 B2.105	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N21				
2	BAF311_242_10_TA21	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	3	1,3-10	B2.106	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N21				
3	MLM309_242_10_L21	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C2	TĐ	K10N21		X		
4	BAF308_242_10_TA21	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	7 5	13-18,20,21 19	B2.106 B2.105	TĐ	NH	14/07/2025	S2	TĐ	K10N21		X		
5	MAG310_242_10_TA21	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	4	13-21	B2.106	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N21				
6	FIN309_242_10_TA21	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	B2.106	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N21				
7	SKL312_242_10_L21	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	5	13-18	B2.105	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N21				
	KHÓA 10 NHÓM 22	TCNH																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	FIN308_242_10_TA22	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.106 B2.105	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N22				
2	BAF311_242_10_TA22	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.106	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N22				
3	MLM309_242_10_L22	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C2	TĐ	K10N22		X		
4	BAF308_242_10_TA22	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	7 5	13-18,20,21 20	B2.106 B2.604	TĐ	NH	14/07/2025	S2	TĐ	K10N22		X		
5	MAG310_242_10_TA22	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	4	13-21	B2.106	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N22				
6	FIN309_242_10_TA22	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	B2.106	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N22				
7	SKL312_242_10_L22	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	5	13-18	B2.105	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N22				
	KHÓA 10 NHÓM 23	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA23	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	2 4	1,3-8,10 9	B2.202 B2.105	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N23				
2	BAF311_242_10_TA23	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.106	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N23				
3	MLM309_242_10_L23	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	S	1-5	4	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C2	TĐ	K10N23		X		
4	BAF308_242_10_TA23	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	6	13-21	B2.107	TĐ	NH	14/07/2025	S3	TĐ	K10N23		X		
5	MAG310_242_10_TA23	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	S	1-5	5	13-21	B2.106	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N23				
6	FIN309_242_10_TA23	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	S	1-5	3	13-21	B2.106	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N23				
7	SKL312_242_10_L23	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	S	1-5	7	13-18	B2.107	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N23				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 10 NHÓM 24	TCNH																				
1	FIN308_242_10_TA24	Quản lý danh mục đầu tư (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	2 4	1,3-8,10 9	B2.103 B2.104	TĐ	TC	28/04/2025	1	TĐ	K10N24				
2	BAF311_242_10_TA24	Thẩm định dự án đầu tư (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.106	TĐ	NH	25/04/2025	3	TĐ	K10N24				
3	MLM309_242_10_L24	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH	10	C	6-10	4	1,3-7	B2.105	TĐ	LLCT	23/04/2025	C2	TĐ	K10N24		X		
4	BAF308_242_10_TA24	Tín dụng Ngân hàng (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	6	13-21	B2.107	TĐ	NH	14/07/2025	S3	TĐ	K10N24		X		
5	MAG310_242_10_TA24	Quản trị Ngân hàng thương mại (TA)	3	45	Ngành	TCNH	10	C	6-10	5	13-21	B2.106	TĐ	NH	18/07/2025	1	TĐ	K10N24				
6	FIN309_242_10_TA24	Đầu tư tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	TCNH	10	C	6-10	3	13-21	B2.106	TĐ	TC	16/07/2025	2	TĐ	K10N24				
7	SKL312_242_10_L24	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	TCNH	10	C	6-10	7	13-18	B2.107	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N24				
	KHÓA 10 NHÓM 25	QTKD																				
1	DIM703_242_10_TA25	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	2 6	1,3-8,10 8	402 404	36 TTĐ	QTKD	26/04/2025	S3	TĐ	K10N25		X		
2	MG_013-2_242_10_TA25	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	4	1,3-10	403	36 TTĐ	QTKD	25/04/2025	1	Q.1	K10N25				
3	SKL312_242_10_L25	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	S	1-5	6	1,3-7	404	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N25				
4	MAG320-242_10_TA25	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	2	13-21	403	36 TTĐ	QTKD	17/07/2025	1	Q.1	K10N25				
5	MLM309_242_10_L25	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	S	1-5	4	13-18	402	36 TTĐ	KHXX	14/07/2025	S3	TĐ	K10N25		X		
	KHÓA 10 NHÓM 26	QTKD																				
1	DIM703_242_10_TA26	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	2 6	1,3-8,10 8	402 404	36 TTĐ	QTKD	26/04/2025	S3	TĐ	K10N26		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	MG_013-2_242_10_TA26	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	4	1,3-10	403	36 TTĐ	QTKD	25/04/2025	1	Q.1	K10N26				
3	SKL312_242_10_L26	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	C	6-10	6	1,3-7	404	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N26				
4	MAG320-242_10_TA26	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	2	13-21	403	36 TTĐ	QTKD	17/07/2025	1	Q.1	K10N26				
5	MLM309_242_10_L26	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	C	6-10	4	13-18	402	36 TTĐ	KHXX	14/07/2025	S3	TĐ	K10N26		X		
	KHÓA 10 NHÓM 27	QTKD																				
1	DIM703_242_10_TA27	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 8	B2.107 B2.106	TĐ	QTKD	26/04/2025	S3	TĐ	K10N27		X		
2	MG_013-2_242_10_TA27	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	2 4	1,3-8,10 9	B2.203 B2.106	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N27				
3	SKL312_242_10_L27	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	S	1-5	4	1,3-7	B2.106	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N27				
4	MAG320-242_10_TA27	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	5	13-21	B2.107	TĐ	QTKD	17/07/2025	1	TĐ	K10N27				
5	MLM309_242_10_L27	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	S	1-5	3	13-18	B2.107	TĐ	KHXX	14/07/2025	S3	TĐ	K10N27		X		
	KHÓA 10 NHÓM 28	QTKD																				
1	DIM703_242_10_TA28	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 8	B2.107 B2.106	TĐ	QTKD	26/04/2025	S3	TĐ	K10N28		X		
2	MG_013-2_242_10_TA28	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	2 4	1,3-8,10 9	B2.104 B2.106	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N28				
3	SKL312_242_10_L28	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	C	6-10	4	1,3-7	B2.106	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N28				
4	MAG320-242_10_TA28	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	5	13-21	B2.107	TĐ	QTKD	17/07/2025	1	TĐ	K10N28				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
5	MLM309_242_10_L28	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	C	6-10	3	13-18	B2.107	TĐ	KHXX	14/07/2025	C1	TĐ	K10N28		X		
	KHÓA 10 NHÓM 29	QTKD																				
1	MAG320-242_10_TA29	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	4	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	26/04/2025	C1	TĐ	K10N29		X		
2	MG_013-2_242_10_TA29	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	3	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N29				
3	SKL312_242_10_L29	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	S	1-5	2	1,3-7	B2.204	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N29				
4	DIM703_242_10_TA29	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	3	13-21	B2.202	TĐ	QTKD	17/07/2025	2	TĐ	K10N29				
5	MLM309_242_10_L29	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	S	1-5	7	13-18	B2.202	TĐ	KHXX	14/07/2025	C1	TĐ	K10N29		X		
	KHÓA 10 NHÓM 30	QTKD																				
1	MAG320-242_10_TA30	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	4	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	26/04/2025	C1	TĐ	K10N30		X		
2	MG_013-2_242_10_TA30	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N30				
3	SKL312_242_10_L30	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	C	6-10	2	1,3-7	B2.105	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N30				
4	DIM703_242_10_TA30	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	3	13-21	B2.202	TĐ	QTKD	17/07/2025	2	TĐ	K10N30				
5	MLM309_242_10_L30	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	C	6-10	7	13-18	B2.202	TĐ	KHXX	14/07/2025	C1	TĐ	K10N30		X		
	KHÓA 10 NHÓM 31	QTKD																				
1	MAG320-242_10_TA31	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	3	1,3-10	B2.202	TĐ	QTKD	26/04/2025	C1	TĐ	K10N31		X		
2	MG_013-2_242_10_TA31	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N31				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	SKL312_242_10_L31	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	S	1-5	7	1,3-7	B2.202	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N31				
4	DIM703_242_10_TA31	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	2	13-21	B2.105	TĐ	QTKD	17/07/2025	2	TĐ	K10N31				
5	MLM309_242_10_L31	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	S	1-5	6	13-18	B2.202	TĐ	KHXX	14/07/2025	C1	TĐ	K10N31		X		
	KHÓA 10 NHÓM 32	QTKD																				
1	MAG320-242_10_TA32	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.202	TĐ	QTKD	26/04/2025	C1	TĐ	K10N32		X		
2	MG_013-2_242_10_TA32	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.107	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N32				
3	SKL312_242_10_L32	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	C	6-10	7	1,3-7	B2.202	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N32				
4	DIM703_242_10_TA32	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	2	13-21	B2.105	TĐ	QTKD	17/07/2025	2	TĐ	K10N32				
5	MLM309_242_10_L32	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	C	6-10	6	13-18	B2.202	TĐ	KHXX	14/07/2025	C1	TĐ	K10N32		X		
	KHÓA 10 NHÓM 33	QTKD																				
1	MAG320-242_10_TA33	Quản trị nguồn nhân lực (TA)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.202	TĐ	QTKD	26/04/2025	C1	TĐ	K10N33		X		
2	MG_013-2_242_10_TA33	Hành vi tổ chức (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 8	B2.203 B2.203	TĐ	QTKD	25/04/2025	4	TĐ	K10N33				
3	SKL312_242_10_L33	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	QTKD	10	S	1-5	3	1,3-7	B2.203	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N33				
4	DIM703_242_10_TA33	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (TA)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	4	13-21	B2.107	TĐ	QTKD	17/07/2025	2	TĐ	K10N33				
5	MLM309_242_10_L33	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	QTKD	10	S	1-5	5	13-18	B2.202	TĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N33		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	TỰ CHỌN KHÓA 10	NGÀNH QTKD (SV đăng ký 2 môn tự chọn)																				
1	MAG703_242_10_L25	Quản trị hiệu suất (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.203	TĐ	QTKD	23/04/2025	1	TĐ	K10			TT	X
2	FIN305_242_10_L25	Quản trị tài chính doanh nghiệp (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.202	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K10			TT	X
3	MAG316_242_10_L25	Quản trị quan hệ khách hàng (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	5	13-21	B2.203	TĐ	QTKD	16/07/2025	2	TĐ	K10			TT	X
4	MAG705_242_10_L25	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	2	13-21	B2.106	TĐ	QTKD	18/07/2025	2	TĐ	K10			TT	X
5	ITS726_242_10_L26	Quản trị dữ liệu (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	2 4	1,3-8,10 10	C204 C206	TĐ	HTTT	23/04/2025	1	TĐ	K10	X		E-Bus	X
6	ITS726_242_10_L27	Quản trị dữ liệu (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	2 4	1,3-8,10 10	C204 C206	TĐ	HTTT	23/04/2025	1	TĐ	K10	X		E-Bus	X
7	ITS726_242_10_L28	Quản trị dữ liệu (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	3	1,3-10	C204	TĐ	HTTT	23/04/2025	1	TĐ	K10	X		E-Bus	X
8	ITS726_242_10_L29	Quản trị dữ liệu (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	3	1,3-10	C204	TĐ	HTTT	23/04/2025	1	TĐ	K10	X		E-Bus	X
9	DAT712_242_10_L30	Phân tích dữ liệu lớn (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	4	1,3-10	B2.202	TĐ	KHDL	28/04/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
10	DAT712_242_10_L31	Phân tích dữ liệu lớn (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	4	1,3-10	B2.202	TĐ	KHDL	28/04/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
11	DAT712_242_10_L32	Phân tích dữ liệu lớn (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	S	1-5	5	1,3-10	B2.204	TĐ	KHDL	28/04/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
12	DAT712_242_10_L33	Phân tích dữ liệu lớn (tự chọn)	3	45	Ngành	QTKD	10	C	6-10	5	1,3-10	B2.203	TĐ	KHDL	28/04/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
13	DIM706_242_10_L26	Marketing số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	2	13-21	B2.106	TĐ	QTKD	16/07/2025	S1	TĐ	K10		X	E-Bus	X
14	DIM706_242_10_L27	Marketing số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	2	13-21	B2.107	TĐ	QTKD	16/07/2025	S1	TĐ	K10		X	E-Bus	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
15	DIM706_242_10_L28	Marketing số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	3	13-21	B2.203	TĐ	QTKD	16/07/2025	S1	TĐ	K10		X	E-Bus	X
16	DIM706_242_10_L29	Marketing số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	3	13-21	B2.203	TĐ	QTKD	16/07/2025	S1	TĐ	K10		X	E-Bus	X
17	DIM702_242_10_L30	Chiến lược kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	4	13-21	B2.202	TĐ	QTKD	18/07/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
18	DIM702_242_10_L31	Chiến lược kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	4	13-21	B2.107	TĐ	QTKD	18/07/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
19	DIM702_242_10_L32	Chiến lược kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	S	1-5	5	13-21	B2.204	TĐ	QTKD	18/07/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
20	DIM702_242_10_L33	Chiến lược kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Chuyên ngành	QTKD	10	C	6-10	5	13-21	B2.202	TĐ	QTKD	18/07/2025	2	TĐ	K10			E-Bus	X
	KHÓA 10 NHÓM 34	KT																				
1	ACC709_242_10_TA34	Kế toán quản trị (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	2 3	1,3-8,10 8	403 404	36 TTĐ	KT-KT	23/04/2025	1	Q.1	K10N34				
2	ACC702_242_10_L34	Kế toán chi phí	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	4	1,3-10	404	36 TTĐ	KT-KT	25/04/2025	2	Q.1	K10N34				
3	ACC716_242_10_TA34	Kiểm toán báo cáo tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	6	1,3-10	405	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	2	Q.1	K10N34				
4	SKL312_242_10_L34	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	KT	10	S	1-5	3	1,3-7	404	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N34				
5	ACC706_242_10_L34	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	2	13-21	404	36 TTĐ	KT-KT	18/07/2025	2	Q.1	K10N34				
6	AUD304_242_10_L34	Kiểm toán ngân hàng	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	4	13-21	403	36 TTĐ	KT-KT	16/07/2025	S2	TĐ	K10N34		X		
7	MLM309_242_10_L34	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	KT	10	S	1-5	6	13-18	403	36 TTĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N34		X		
	KHÓA 10 NHÓM 35	KT																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	ACC709_242_10_TA35	Kế toán quản trị (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	2 3	1,3-8,10 8	403 404	36 TTĐ	KT-KT	23/04/2025	1	Q.1	K10N35				
2	ACC702_242_10_L35	Kế toán chi phí	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	4	1,3-10	404	36 TTĐ	KT-KT	25/04/2025	2	Q.1	K10N35				
3	ACC716_242_10_TA35	Kiểm toán báo cáo tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	6	1,3-10	405	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	2	Q.1	K10N35				
4	SKL312_242_10_L35	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	KT	10	C	6-10	3	1,3-7	404	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K10N35				
5	ACC706_242_10_L35	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	2	13-21	404	36 TTĐ	KT-KT	18/07/2025	2	Q.1	K10N35				
6	AUD304_242_10_L35	Kiểm toán ngân hàng	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	4	13-21	403	36 TTĐ	KT-KT	16/07/2025	S2	TĐ	K10N35		X		
7	MLM309_242_10_L35	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	KT	10	C	6-10	6	13-18	403	36 TTĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N35		X		
	KHÓA 10 NHÓM 36	KT																				
1	ACC709_242_10_TA36	Kế toán quản trị (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	4	1,3-10	B2.203	TĐ	KT-KT	23/04/2025	1	TĐ	K10N36				
2	ACC702_242_10_L36	Kế toán chi phí	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	6	1,3-10	B2.107	TĐ	KT-KT	25/04/2025	4	TĐ	K10N36				
3	ACC716_242_10_TA36	Kiểm toán báo cáo tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	2 5	1,3-8,10 8	B2.106 B2.105	TĐ	KT-KT	28/04/2025	2	TĐ	K10N36				
4	SKL312_242_10_L36	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	KT	10	C	6-10	5	1,3-7	B2.204	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N36				
5	ACC706_242_10_L36	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	4	13-21	B2.202	TĐ	KT-KT	18/07/2025	1	TĐ	K10N36				
6	AUD304_242_10_L36	Kiểm toán ngân hàng	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	6	13-21	B2.203	TĐ	KT-KT	16/07/2025	S2	TĐ	K10N36		X		
7	MLM309_242_10_L36	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	KT	10	C	6-10	3	13-18	B2.204	TĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N36		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 10 NHÓM 37	KT																				
1	ACC709_242_10_TA37	Kế toán quản trị (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	4	1,3-10	B2.203	TĐ	KT-KT	23/04/2025	1	TĐ	K10N37				
2	ACC702_242_10_L37	Kế toán chi phí	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	6	1,3-10	B2.107	TĐ	KT-KT	25/04/2025	4	TĐ	K10N37				
3	ACC716_242_10_TA37	Kiểm toán báo cáo tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	2 5	1,3-8,10 8	B2.105 B2.205	TĐ	KT-KT	28/04/2025	2	TĐ	K10N37				
4	SKL312_242_10_L37	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	KT	10	S	1-5	5	1,3-7	B2.205	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N37				
5	ACC706_242_10_L37	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	4	13-21	B2.203	TĐ	KT-KT	18/07/2025	1	TĐ	K10N37				
6	AUD304_242_10_L37	Kiểm toán ngân hàng	3	45	Chuyên ngành	KT	10	S	1-5	6	13-21	B2.203	TĐ	KT-KT	16/07/2025	S2	TĐ	K10N37		X		
7	MLM309_242_10_L37	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	KT	10	S	1-5	3	13-18	B2.204	TĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N37		X		
	KHÓA 10 NHÓM 38	KT																				
1	ACC709_242_10_TA38	Kế toán quản trị (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	6	1,3-10	B2.202	TĐ	KT-KT	23/04/2025	1	TĐ	K10N38				
2	ACC702_242_10_L38	Kế toán chi phí	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	7 2	1,3-7,9,10 8	B2.203 B2.107	TĐ	KT-KT	25/04/2025	4	TĐ	K10N38				
3	ACC716_242_10_TA38	Kiểm toán báo cáo tài chính (TA)	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	3	1,3-10	B2.203	TĐ	KT-KT	28/04/2025	2	TĐ	K10N38				
4	SKL312_242_10_L38	Kỹ năng nghề nghiệp trong xu hướng 4.0	2	30	KNM	KT	10	C	6-10	2	1,3-7	B2.107	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10N38				
5	ACC706_242_10_L38	Kế toán tài chính nâng cao	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	6	13-21	B2.204	TĐ	KT-KT	18/07/2025	1	TĐ	K10N38				
6	AUD304_242_10_L38	Kiểm toán ngân hàng	3	45	Chuyên ngành	KT	10	C	6-10	2	13-21	B2.202	TĐ	KT-KT	16/07/2025	S2	TĐ	K10N38		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	MLM309_242_10_L38	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	KT	10	C	6-10	5	13-18	B2.203	TĐ	KHXX	14/07/2025	C2	TĐ	K10N38		X		
	HỌC PHẦN GDTC	KHÓA 10																				
1	GYM305_242_10_KA01	Học phần GDTC 5 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	2	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	31/03/2025	1	TĐ	K10				X
2	GYM305_242_10_CL02	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	2	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	31/03/2025	3	TĐ	K10				X
3	GYM305_242_10_KA03	Học phần GDTC 5 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	2	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	31/03/2025	2	TĐ	K10				X
4	GYM305_242_10_CL04	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	2	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	31/03/2025	4	TĐ	K10				X
5	GYM305_242_10_KA05	Học phần GDTC 5 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	3	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K10				X
6	GYM305_242_10_CL06	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	3	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	01/04/2025	3	TĐ	K10				X
7	GYM305_242_10_KA07	Học phần GDTC 5 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	3	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K10				X
8	GYM305_242_10_CL08	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	3	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	01/04/2025	4	TĐ	K10				X
9	GYM305_242_10_QV09	Học phần GDTC 5 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	4	1,3,4 5,6,7	Sân Tennis	TĐ	GDQP	02/04/2025	1	TĐ	K10				X
10	GYM305_242_10_CL10	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	4	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	02/04/2025	3	TĐ	K10				X
11	GYM305_242_10_BC11	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	4	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	02/04/2025	1	TĐ	K10				X
12	GYM305_242_10_CL12	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	4	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	02/04/2025	4	TĐ	K10				X
13	GYM305_242_10_QV13	Học phần GDTC 5 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	5	1,3,4 5,6,7	Sân Tennis	TĐ	GDQP	03/04/2025	1	TĐ	K10				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
14	GYM305_242_10_CL14	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	5	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	03/04/2025	3	TĐ	K10				X
15	GYM305_242_10_BC15	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	5	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	03/04/2025	1	TĐ	K10				X
16	GYM305_242_10_CL16	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	5	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	03/04/2025	4	TĐ	K10				X
17	GYM305_242_10_QV17	Học phần GDTC 5 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	6	1,3,4 5,6,7	Sân Tennis	TĐ	GDQP	04/04/2025	1	TĐ	K10				X
18	GYM305_242_10_CL18	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	6	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	04/04/2025	3	TĐ	K10				X
19	GYM305_242_10_BC19	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	6	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	04/04/2025	1	TĐ	K10				X
20	GYM305_242_10_CL20	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	6	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	04/04/2025	4	TĐ	K10				X
21	GYM305_242_10_BB21	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	2	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	16/06/2025	1	TĐ	K10				X
22	GYM305_242_10_BC22	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	2	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	16/06/2025	1	TĐ	K10				X
23	GYM305_242_10_BB23	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	2	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	16/06/2025	2	TĐ	K10				X
24	GYM305_242_10_BC24	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	2	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	16/06/2025	2	TĐ	K10				X
25	GYM305_242_10_BC25	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	3	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	17/06/2025	1	TĐ	K10				X
26	GYM305_242_10_BB26	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	3	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	17/06/2025	3	TĐ	K10				X
27	GYM305_242_10_BC27	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	3	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	17/06/2025	2	TĐ	K10				X
28	GYM305_242_10_BB28	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	3	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	17/06/2025	4	TĐ	K10				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
29	GYM305_242_10_BB29	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	1-3 4-5	4	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	18/06/2025	1	TĐ	K10				X
30	GYM305_242_10_BC30	Học phần GDTC 5 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	6-8 9-10	4	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	18/06/2025	3	TĐ	K10				X
31	GYM305_242_10_BB31	Học phần GDTC 5 (Bóng bàn)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	4	13-15 16-18	Nhà tập BB	TĐ	GDQP	18/06/2025	2	TĐ	K10				X
32	GYM305_242_10_CL32	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	4	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	18/06/2025	3	TĐ	K10				X
33	GYM305_242_10_KA33	Học phần GDTC 5 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	S	4-5 1-3	5	13-15 16-18	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	19/06/2025	1	TĐ	K10				X
34	GYM305_242_10_CL34	Học phần GDTC 5 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	10	C	9-10 6-8	5	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	19/06/2025	3	TĐ	K10				X
	HỌC PHẦN KỸ NĂNG MỀM	KHÓA 10 NGÀNH TCNH, KT, QTKD																				
1	SKL311_242_10_L01	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	2	1,3-7	B2.701	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
2	SKL311_242_10_L02	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	2	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
3	SKL311_242_10_L03	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	3	1,3-7	B2.307	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
4	SKL311_242_10_L04	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	3	1,3-7	B2.803	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
5	SKL311_242_10_L05	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	4	1,3-7	B2.701	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
6	SKL311_242_10_L06	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	4	1,3-7	B2.401	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
7	SKL311_242_10_L07	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	5	1,3-7	B2.903	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
8	SKL311_242_10_L08	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	5	1,3-7	B2.804	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
9	SKL311_242_10_L09	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	6	1,3-7	B2.802	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
10	SKL311_242_10_L10	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	6	1,3-7	B2.802	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
11	SKL311_242_10_L11	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	7	1,3-7	B2.603	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
12	SKL311_242_10_L12	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	7	1,3-7	B2.404	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
13	SKL311_242_10_L13	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	2	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
14	SKL311_242_10_L14	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	2	1,3-7	B2.703	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
15	SKL311_242_10_L15	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	3	1,3-7	B2.904	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
16	SKL311_242_10_L16	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	3	1,3-7	B2.804	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
17	SKL311_242_10_L17	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	4	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
18	SKL311_242_10_L18	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	4	1,3-7	B2.402	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
19	SKL311_242_10_L19	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	5	1,3-7	B2.904	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
20	SKL311_242_10_L20	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	5	1,3-7	B2.901	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
21	SKL311_242_10_L21	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	6	1,3-7	B2.803	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
22	SKL311_242_10_L22	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	6	1,3-7	B2.803	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
23	SKL311_242_10_L23	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	7	1,3-7	B2.604	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
24	SKL311_242_10_L24	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	7	1,3-7	B2.501	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
25	SKL311_242_10_L25	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	2	13-18	B2.502	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
26	SKL311_242_10_L26	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	2	13-18	B2.503	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
27	SKL311_242_10_L27	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	3	13-18	B2.804	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
28	SKL311_242_10_L28	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	3	13-18	B2.801	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
29	SKL311_242_10_L29	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	4	13-18	B2.701	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
30	SKL311_242_10_L30	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	4	13-18	B2.704	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
31	SKL311_242_10_L31	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	5	13-18	B2.401	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
32	SKL311_242_10_L32	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	5	13-18	B2.306	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
33	SKL311_242_10_L33	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	6	13-18	B2.207	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
34	SKL311_242_10_L34	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	6	13-18	B2.603	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
35	SKL311_242_10_L35	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	7	13-18	B2.703	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
36	SKL311_242_10_L36	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	7	13-18	B2.504	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
37	SKL311_242_10_L37	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	S	1-5	2	13-18	B2.503	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X
38	SKL311_242_10_L38	Kỹ năng giao tiếp trong môi trường quốc tế	2	30	KNM	TCNH KT QTKD	10	C	6-10	2	13-18	B2.604	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K10				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 11 NHÓM 1	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA01	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-10	405	36 TTĐ	NH	26/04/2025	1	Q.1	K11N1				
2	MLM307_242_11_L01	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-7	406	36 TTĐ	KHXXH	24/04/2025	S1	TĐ	K11N1		X		
3	FIN303_242_11_TA01	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	406	36 TTĐ	TC	29/04/2025	S1	TĐ	K11N1		X		
4	ITS711_242_11_L01	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	13-21	404	36 TTĐ	HTTT	17/07/2025	2	Q.1	K11N1				
5	FIN304_242_11_L01	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	2	13-21	405	36 TTĐ	TC	15/07/2025	S1	TĐ	K11N1		X		
	KHÓA 11 NHÓM 2	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA02	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-10	405	36 TTĐ	NH	26/04/2025	1	Q.1	K11N2				
2	MLM307_242_11_L02	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-7	405	36 TTĐ	KHXXH	24/04/2025	S1	TĐ	K11N2		X		
3	FIN303_242_11_TA02	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-10	406	36 TTĐ	TC	29/04/2025	S1	TĐ	K11N2		X		
4	ITS711_242_11_L02	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	13-21	404	36 TTĐ	HTTT	17/07/2025	2	Q.1	K11N2				
5	FIN304_242_11_L02	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	2	13-21	405	36 TTĐ	TC	15/07/2025	S1	TĐ	K11N2		X		
	KHÓA 11 NHÓM 3	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA03	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	405	36 TTĐ	NH	26/04/2025	1	Q.1	K11N3				
2	MLM307_242_11_L03	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-7	406	36 TTĐ	KHXXH	24/04/2025	S1	TĐ	K11N3		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	FIN303_242_11_TA03	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 8	301	36 TTĐ	TC	29/04/2025	S1	TĐ	K11N3		X		
4	ITS711_242_11_L03	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	403	36 TTĐ	HTTT	17/07/2025	2	Q.1	K11N3				
5	FIN304_242_11_L03	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	404	36 TTĐ	TC	15/07/2025	S1	TĐ	K11N3		X		
	KHÓA 11 NHÓM 4	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA04	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	405	36 TTĐ	NH	26/04/2025	1	Q.1	K11N4				
2	MLM307_242_11_L04	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-7	406	36 TTĐ	KHXX	24/04/2025	S1	TĐ	K11N4		X		
3	FIN303_242_11_TA04	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 8	406 406	36 TTĐ	TC	29/04/2025	S1	TĐ	K11N4		X		
4	ITS711_242_11_L04	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	403	36 TTĐ	HTTT	17/07/2025	2	Q.1	K11N4				
5	FIN304_242_11_L04	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	404	36 TTĐ	TC	15/07/2025	S1	TĐ	K11N4		X		
	KHÓA 11 NHÓM 5	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA05	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	405	36 TTĐ	NH	26/04/2025	1	Q.1	K11N5				
2	MLM307_242_11_L05	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-7	406	36 TTĐ	KHXX	24/04/2025	S1	TĐ	K11N5		X		
3	FIN303_242_11_TA05	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 8	404 406	36 TTĐ	TC	29/04/2025	S1	TĐ	K11N5		X		
4	ITS711_242_11_L05	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	6	13-21	404	36 TTĐ	HTTT	17/07/2025	2	Q.1	K11N5				
5	FIN304_242_11_L05	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	404	36 TTĐ	TC	15/07/2025	S1	TĐ	K11N5		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 11 NHÓM 6	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA06	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.204	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N6				
2	MLM307_242_11_L06	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S2	TĐ	K11N6		X		
3	FIN303_242_11_TA06	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 8	B2.202 B2.205	TĐ	TC	29/04/2025	S2	TĐ	K11N6		X		
4	ITS711_242_11_L06	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	6	13-21	B2.205	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N6				
5	FIN304_242_11_L06	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.204	TĐ	TC	15/07/2025	S2	TĐ	K11N6		X		
	KHÓA 11 NHÓM 7	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA07	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	7 6	1,3-7,9,10 8	B2.204 B2.202	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N7				
2	MLM307_242_11_L07	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-7	B2.202	TĐ	KHXX	24/04/2025	S2	TĐ	K11N7		X		
3	FIN303_242_11_TA07	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.204	TĐ	TC	29/04/2025	S2	TĐ	K11N7		X		
4	ITS711_242_11_L07	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	6	13-21	B2.204	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N7				
5	FIN304_242_11_L07	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.205	TĐ	TC	15/07/2025	S2	TĐ	K11N7		X		
	KHÓA 11 NHÓM 8	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA08	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	7 6	1,3-7,9,10 8	B2.204 B2.203	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N8				
2	MLM307_242_11_L08	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-7	B2.203	TĐ	KHXX	24/04/2025	S2	TĐ	K11N8		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	FIN303_242_11_TA08	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.205	TĐ	TC	29/04/2025	S2	TĐ	K11N8		X		
4	ITS711_242_11_L08	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	6	13-21	B2.206	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N8				
5	FIN304_242_11_L08	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.205	TĐ	TC	15/07/2025	S2	TĐ	K11N8		X		
	KHÓA 11 NHÓM 9	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA09	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.203	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N9				
2	MLM307_242_11_L09	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	7	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S2	TĐ	K11N9		X		
3	FIN303_242_11_TA09	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.206	TĐ	TC	29/04/2025	S2	TĐ	K11N9		X		
4	ITS711_242_11_L09	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	B2.205	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N9				
5	FIN304_242_11_L09	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	7	13-21	B2.203	TĐ	TC	15/07/2025	S2	TĐ	K11N9		X		
	KHÓA 11 NHÓM 10	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA10	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.204	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N10				
2	MLM307_242_11_L10	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	7	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S2	TĐ	K11N10		X		
3	FIN303_242_11_TA10	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.206	TĐ	TC	29/04/2025	S2	TĐ	K11N10		X		
4	ITS711_242_11_L10	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	B2.205	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N10				
5	FIN304_242_11_L10	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	7	13-21	B2.203	TĐ	TC	15/07/2025	S2	TĐ	K11N10		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 11 NHÓM 11	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA11	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.204	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N11				
2	MLM307_242_11_L11	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S3	TĐ	K11N11		X		
3	FIN303_242_11_TA11	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.204	TĐ	TC	29/04/2025	S3	TĐ	K11N11		X		
4	ITS711_242_11_L11	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	13-21	B2.204	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N11				
5	FIN304_242_11_L11	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	2	13-21	B2.107	TĐ	TC	15/07/2025	S3	TĐ	K11N11		X		
	KHÓA 11 NHÓM 12	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA12	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.204	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N12				
2	MLM307_242_11_L12	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-7	B2.206	TĐ	KHXX	24/04/2025	S3	TĐ	K11N12		X		
3	FIN303_242_11_TA12	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.205	TĐ	TC	29/04/2025	S3	TĐ	K11N12		X		
4	ITS711_242_11_L12	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	13-21	B2.203	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N12				
5	FIN304_242_11_L12	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	2	13-21	B2.203	TĐ	TC	15/07/2025	S3	TĐ	K11N12		X		
	KHÓA 11 NHÓM 13	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA13	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.206	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N13				
2	MLM307_242_11_L13	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S3	TĐ	K11N13		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	FIN303_242_11_TA13	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 9	B2.206 B2.104	TĐ	TC	29/04/2025	S3	TĐ	K11N13		X		
4	ITS711_242_11_L13	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.206	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N13				
5	FIN304_242_11_L13	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	B2.206	TĐ	TC	15/07/2025	S3	TĐ	K11N13		X		
	KHÓA 11 NHÓM 14	TCNH																				
1	BAF301_242_11_TA14	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.207	TĐ	NH	26/04/2025	1	TĐ	K11N14				
2	MLM307_242_11_L14	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-7	B2.205	TĐ	KHXX	24/04/2025	S3	TĐ	K11N14		X		
3	FIN303_242_11_TA14	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 9	B2.206 B2.205	TĐ	TC	29/04/2025	S3	TĐ	K11N14		X		
4	ITS711_242_11_L14	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.206	TĐ	HTTT	17/07/2025	2	TĐ	K11N14				
5	FIN304_242_11_L14	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	B2.206	TĐ	TC	15/07/2025	S3	TĐ	K11N14		X		
	KHÓA 11 NHÓM 15	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L15	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	S3	TĐ	K11N15		X		
2	FIN303_242_11_TA15	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 9	B2.206 B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	S3	TĐ	K11N15		X		
3	ITS711_242_11_L15	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.205	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N15				
4	BAF301_242_11_TA15	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	B2.207	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N15				
5	FIN304_242_11_L15	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.207	TĐ	TC	15/07/2025	S3	TĐ	K11N15		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 11 NHÓM 16	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L16	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C1	TĐ	K11N16		X		
2	FIN303_242_11_TA16	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 9	B2.203 B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	C1	TĐ	K11N16		X		
3	ITS711_242_11_L16	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.206	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N16				
4	BAF301_242_11_TA16	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	B2.207	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N13				
5	FIN304_242_11_L16	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.207	TĐ	TC	15/07/2025	C1	TĐ	K11N16		X		
	KHÓA 11 NHÓM 17	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L17	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-7	B2.206	TĐ	KHXX	24/04/2025	C1	TĐ	K11N17		X		
2	FIN303_242_11_TA17	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	C1	TĐ	K11N17		X		
3	ITS711_242_11_L17	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.206	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N17				
4	BAF301_242_11_TA17	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	13-21	B2.205	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N17				
5	FIN304_242_11_L17	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.302	TĐ	TC	15/07/2025	C1	TĐ	K11N17		X		
	KHÓA 11 NHÓM 18	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L18	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C1	TĐ	K11N18		X		
2	FIN303_242_11_TA18	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.302	TĐ	TC	29/04/2025	C1	TĐ	K11N18		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	ITS711_242_11_L18	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.206	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N18				
4	BAF301_242_11_TA18	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	4	13-21	B2.204	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N18				
5	FIN304_242_11_L18	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.302	TĐ	TC	15/07/2025	C1	TĐ	K11N18		X		
	KHÓA 11 NHÓM 19	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L19	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	7	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C1	TĐ	K11N19		X		
2	FIN303_242_11_TA19	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.302	TĐ	TC	29/04/2025	C1	TĐ	K11N19		X		
3	ITS711_242_11_L19	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.302	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N19				
4	BAF301_242_11_TA19	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.303	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N19				
5	FIN304_242_11_L19	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	7	13-21	B2.204	TĐ	TC	15/07/2025	C1	TĐ	K11N19		X		
	KHÓA 11 NHÓM 20	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L20	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	7	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C1	TĐ	K11N20		X		
2	FIN303_242_11_TA20	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.302	TĐ	TC	29/04/2025	C1	TĐ	K11N20		X		
3	ITS711_242_11_L20	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.303	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N20				
4	BAF301_242_11_TA20	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	B2.303	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N20				
5	FIN304_242_11_L20	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	7 3	13-18,20,21 19	B2.204 B2.604	TĐ	TC	15/07/2025	C1	TĐ	K11N20		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 11 NHÓM 21	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L21	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-7	B2.303	TĐ	KHXX	24/04/2025	C2	TĐ	K11N21		X		
2	FIN303_242_11_TA21	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	C2	TĐ	K11N21		X		
3	ITS711_242_11_L21	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.303	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N21				
4	BAF301_242_11_TA21	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	6	13-21	B2.205	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N21				
5	FIN304_242_11_L21	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	2	13-21	B2.202	TĐ	TC	15/07/2025	C2	TĐ	K11N21		X		
	KHÓA 11 NHÓM 22	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L22	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-7	B2.304	TĐ	KHXX	24/04/2025	C2	TĐ	K11N22		X		
2	FIN303_242_11_TA22	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.302	TĐ	TC	29/04/2025	C2	TĐ	K11N22		X		
3	ITS711_242_11_L22	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.303	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N22				
4	BAF301_242_11_TA22	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	6	13-21	B2.207	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N22				
5	FIN304_242_11_L22	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	2	13-21	B2.204	TĐ	TC	15/07/2025	C2	TĐ	K11N22		X		
	KHÓA 11 NHÓM 23	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L23	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C2	TĐ	K11N23		X		
2	FIN303_242_11_TA23	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 10	B2.302 B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	C2	TĐ	K11N23		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	ITS711_242_11_L23	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	2 4	1,3-8,10 8	B2.207 B2.207	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N23				
4	BAF301_242_11_TA23	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	7 4	13-18,20,21 19	B2.205 B2.206	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N23				
5	FIN304_242_11_L23	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	B2.302	TĐ	TC	15/07/2025	C2	TĐ	K11N23		X		
	KHÓA 11 NHÓM 24	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L24	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-7	B2.207	TĐ	KHXX	24/04/2025	C2	TĐ	K11N24		X		
2	FIN303_242_11_TA24	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 10	B2.302 B2.207	TĐ	TC	29/04/2025	C2	TĐ	K11N24		X		
3	ITS711_242_11_L24	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	2 4	1,3-8,10 8	B2.204 B2.207	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N24				
4	BAF301_242_11_TA24	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	7 4	13-18,20,21 21	B2.205 B2.105	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N24				
5	FIN304_242_11_L24	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	B2.302	TĐ	TC	15/07/2025	C2	TĐ	K11N24		X		
	KHÓA 11 NHÓM 25	TCNH																				
1	MLM307_242_11_L25	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-7	B2.304	TĐ	KHXX	24/04/2025	C2	TĐ	K11N25		X		
2	FIN303_242_11_TA25	Tài chính doanh nghiệp (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 10	B2.302 B2.304	TĐ	TC	29/04/2025	C2	TĐ	K11N25		X		
3	ITS711_242_11_L25	Phân tích kinh doanh	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.302	TĐ	HTTT	26/04/2025	2	TĐ	K11N25				
4	BAF301_242_11_TA25	Hoạt động kinh doanh Ngân hàng (TA)	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	B2.303	TĐ	NH	17/07/2025	1	TĐ	K11N24				
5	FIN304_242_11_L25	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	Ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	B2.304	TĐ	TC	15/07/2025	C2	TĐ	K11N25		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 11 NGÀNH TCNH (SV đăng ký 1 học phần tự chọn)																				
1	FIN302_242_11_TA01	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2 6	1,3-8,10 10	B2.303 B2.206	TĐ	TC	23/04/2025	C2	TĐ	K11		X	TT	X
2	FIN302_242_11_TA02	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	2 6	1,3-8,10 10	B2.205 B2.207	TĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
3	FIN302_242_11_TA03	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.304	TĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
4	FIN302_242_11_TA04	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.305	TĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
5	FIN302_242_11_TA05	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.305	TĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
6	FIN302_242_11_TA06	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	406	36 TTĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
7	FIN302_242_11_TA07	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn) (TA)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.302	TĐ	TC	23/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
8	ITS724_242_11_L01	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2 6	1,3-8,10 9	C304 C304	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11	X		Fin	X
9	ITS724_242_11_L02	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	2 6	1,3-8,10 9	C304 C304	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11	X		Fin	X
10	ITS724_242_11_L03	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	3	1,3-10	PM201	39 HN	HTTT	23/04/2025	3	Q.1	K11	X		Fin	X
11	ITS724_242_11_L04	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	3	1,3-10	PM201	39 HN	HTTT	23/04/2025	3	Q.1	K11	X		Fin	X
12	ITS724_242_11_L05	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	4	1,3-10	PM201	39 HN	HTTT	23/04/2025	3	Q.1	K11	X		Fin	X
13	ITS724_242_11_L06	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	4	1,3-10	PM503	39 HN	HTTT	23/04/2025	3	Q.1	K11	X		Fin	X
14	ITS724_242_11_L07	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	5	1,3-10	C204	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11	X		Fin	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
15	ITS724_242_11_L08	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	5	1,3-10	C303	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11	X		Fin	X
16	ITS724_242_11_L09	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	6	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
17	ITS724_242_11_L10	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	6	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
18	ITS724_242_11_L11	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	2	13-21	C204	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
19	ITS724_242_11_L12	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	2	13-21	C204	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
20	ITS724_242_11_L13	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	3	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
21	ITS724_242_11_L14	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	3	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
22	ITS724_242_11_L15	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	4	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
23	ITS724_242_11_L16	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	4	13-21	C303	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
24	ITS724_242_11_L17	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	S	1-5	5	13-21	C204	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
25	ITS724_242_11_L18	Giải thuật ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	11	C	6-10	5	13-21	C204	TĐ	HTTT	18/07/2025	2	TĐ	K11	X		Fin	X
	KHÓA 11 NHÓM 26	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L26	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 10	405 406	36 TTĐ	QTKD	29/04/2025	C3	TĐ	K11N26		X		
2	MAG306_242_11_L26	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	407	36 TTĐ	QTKD	26/04/2025	C2	TĐ	K11N26		X		
3	MLM307_242_11_L26	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	S	1-5	3	13-18	405	36 TTĐ	KHXX	17/07/2025	S1	TĐ	K11N26		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	MAG702_242_11_L26	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	5	13-21	405	36 TTĐ	QTKD	18/07/2025	S1	TĐ	K11N26		X		
	KHÓA 11 NHÓM 27	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L27	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 10	B2.206 B2.207	TĐ	QTKD	29/04/2025	C3	TĐ	K11N27		X		
2	MAG306_242_11_L27	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.302	TĐ	QTKD	26/04/2025	C2	TĐ	K11N27		X		
3	MLM307_242_11_L27	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	C	6-10	3	13-18	B2.303	TĐ	KHXX	17/07/2025	S1	TĐ	K11N27		X		
4	MAG702_242_11_L27	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	5	13-21	B2.304	TĐ	QTKD	18/07/2025	S1	TĐ	K11N27		X		
	KHÓA 11 NHÓM 28	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L28	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.305	TĐ	QTKD	29/04/2025	C3	TĐ	K11N28		X		
2	MAG306_242_11_L28	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.306	TĐ	QTKD	26/04/2025	C2	TĐ	K11N28		X		
3	MLM307_242_11_L28	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	S	1-5	4	13-18	B2.206	TĐ	KHXX	17/07/2025	S1	TĐ	K11N28		X		
4	MAG702_242_11_L28	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	2	13-21	B2.203	TĐ	QTKD	18/07/2025	S1	TĐ	K11N28		X		
	KHÓA 11 NHÓM 29	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L29	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.306	TĐ	QTKD	29/04/2025	C3	TĐ	K11N29		X		
2	MAG306_242_11_L29	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.304	TĐ	QTKD	26/04/2025	C2	TĐ	K11N29		X		
3	MLM307_242_11_L29	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	C	6-10	4	13-18	B2.205	TĐ	KHXX	17/07/2025	S1	TĐ	K11N29		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	MAG702_242_11_L29	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	2	13-21	B2.205	TĐ	QTKD	18/07/2025	S1	TĐ	K11N29		X		
	KHÓA 11 NHÓM 30	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L30	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.303	TĐ	QTKD	29/04/2025	C3	TĐ	K11N30		X		
2	MAG306_242_11_L30	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.306	TĐ	QTKD	26/04/2025	C3	TĐ	K11N30		X		
3	MLM307_242_11_L30	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	S	1-5	5	13-18	B2.305	TĐ	KHXX	17/07/2025	S1	TĐ	K11N30		X		
4	MAG702_242_11_L30	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	3	13-21	B2.304	TĐ	QTKD	18/07/2025	S1	TĐ	K11N30		X		
	KHÓA 11 NHÓM 31	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L31	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.303	TĐ	QTKD	29/04/2025	5	TĐ	K11N31		X		
2	MAG306_242_11_L31	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.307	TĐ	QTKD	26/04/2025	C3	TĐ	K11N31		X		
3	MLM307_242_11_L31	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	C	6-10	5	13-18	B2.305	TĐ	KHXX	17/07/2025	S2	TĐ	K11N31		X		
4	MAG702_242_11_L31	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	3	13-21	B2.304	TĐ	QTKD	18/07/2025	S2	TĐ	K11N31		X		
	KHÓA 11 NHÓM 32	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L32	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.307	TĐ	QTKD	29/04/2025	5	TĐ	K11N32		X		
2	MAG306_242_11_L32	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	2 4	1,3-8,10 9	B2.204 B2.207	TĐ	QTKD	26/04/2025	C3	TĐ	K11N32		X		
3	MLM307_242_11_L32	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	S	1-5	6	13-18	B2.206	TĐ	KHXX	17/07/2025	S2	TĐ	K11N32		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	MAG702_242_11_L32	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	S	1-5	4	13-21	B2.207	TĐ	QTKD	18/07/2025	S2	TĐ	K11N32		X		
	KHÓA 11 NHÓM 33	QTKD																				
1	MAG707_242_11_L33	Truyền thông trong kinh doanh	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.305	TĐ	QTKD	29/04/2025	5	TĐ	K11N33		X		
2	MAG306_242_11_L33	Quản trị vận hành	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	2 4	1,3-8,10 9	B2.207 B2.207	TĐ	QTKD	26/04/2025	C3	TĐ	K11N33		X		
3	MLM307_242_11_L33	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	QTKD	11	C	6-10	6	13-18	B2.302	TĐ	KHXX	17/07/2025	S2	TĐ	K11N33		X		
4	MAG702_242_11_L33	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3	45	Ngành	QTKD	11	C	6-10	4	13-21	B2.206	TĐ	QTKD	18/07/2025	S2	TĐ	K11N33		X		
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 11 NGÀNH QTKD (SV đăng ký 2 học phần tự chọn)																				
1	MKE302_242_11_L01	Hành vi khách hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.401	TĐ	QTKD	25/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
2	MKE302_242_11_L02	Hành vi khách hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.306	TĐ	QTKD	25/04/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
3	MAG323_242_11_L01	Quản trị đổi mới và sáng tạo (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	3	13-21	B2.305	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			TT	X
4	MAG323_242_11_L02	Quản trị đổi mới và sáng tạo (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	3	13-21	B2.305	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			TT	X
5	ITS304_242_11_L01	Hệ thống thông tin quản lý (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.304	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11			TT	X
6	ITS304_242_11_L02	Hệ thống thông tin quản lý (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.304	TĐ	HTTT	23/04/2025	3	TĐ	K11			TT	X
7	ACC307_242_11_L01	Kế toán quản trị (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	6	13-21	B2.207	TĐ	KT-KT	15/07/2025	1	TĐ	K11			TT	X
8	DIM701_242_11_L01	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.305	TĐ	QTKD	25/04/2025	3	TĐ	K11			E-Bus	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
9	DIM701_242_11_L02	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	B2.305	TĐ	QTKD	25/04/2025	3	TĐ	K11			E-Bus	X
10	DIM701_242_11_L03	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.402	TĐ	QTKD	25/04/2025	3	TĐ	K11			E-Bus	X
11	DIM701_242_11_L04	Giới thiệu kinh doanh số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.307	TĐ	QTKD	25/04/2025	3	TĐ	K11			E-Bus	X
12	ITS306_242_11_L01	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	6	1,3-10	PM503	39 HN	HTTT	24/04/2025	1	Q.1	K11	X		E-Bus	X
13	ITS306_242_11_L02	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	6	1,3-10	C303	TĐ	HTTT	24/04/2025	1	TĐ	K11	X		E-Bus	X
14	DAT722_242_11_L01	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	PM503	39 HN	KHDL	28/04/2025	1	Q.1	K11	X		E-Bus	X
15	DAT722_242_11_L02	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	C204	TĐ	KHDL	28/04/2025	1	TĐ	K11	X		E-Bus	X
16	DAT722_242_11_L03	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	3	1,3-10	C304	TĐ	KHDL	28/04/2025	1	TĐ	K11	X		E-Bus	X
17	DAT722_242_11_L04	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	3	1,3-10	C303	TĐ	KHDL	28/04/2025	1	TĐ	K11	X		E-Bus	X
18	DIM708_242_11_L01	Sáng tạo và thiết kế thời đại số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	4	13-21	B2.302	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			E-Bus	X
19	DIM708_242_11_L02	Sáng tạo và thiết kế thời đại số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	4	13-21	B2.207	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			E-Bus	X
20	DIM708_242_11_L03	Sáng tạo và thiết kế thời đại số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	S	1-5	3	13-21	B2.306	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			E-Bus	X
21	DIM708_242_11_L04	Sáng tạo và thiết kế thời đại số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	11	C	6-10	3	13-21	B2.306	TĐ	QTKD	14/07/2025	2	TĐ	K11			E-Bus	X
	KHÓA 11 NHÓM 34	KT																				
1	ACC707_242_11_L34	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	2 3	1,3-8,10 10	406 406	36 TTĐ	KT-KT	29/04/2025	4	Q.1	K11N34				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	ACC306_242_11_L34	Kế toán ngân hàng	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	4	1,3-10	501	36 TTĐ	KT-KT	25/04/2025	5	TĐ	K11N34		X		
3	MLM307_242_11_L34	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	KT	11	S	1-5	3	13-18	406	36 TTĐ	KHXX	17/07/2025	S2	TĐ	K11N34		X		
	KHÓA 11 NHÓM 35	KT																				
1	ACC707_242_11_L35	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	Ngành	KT	11	C	6-10	2 3	1,3-8,10 10	404 405	36 TTĐ	KT-KT	29/04/2025	4	Q.1	K11N35				
2	ACC306_242_11_L35	Kế toán ngân hàng	3	45	Ngành	KT	11	C	6-10	4	1,3-10	407	36 TTĐ	KT-KT	25/04/2025	5	TĐ	K11N35		X		
3	MLM307_242_11_L35	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	KT	11	C	6-10	3	13-18	405	36 TTĐ	KHXX	17/07/2025	S2	TĐ	K11N35		X		
	KHÓA 11 NHÓM 36	KT																				
1	ACC707_242_11_L36	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.403	TĐ	KT-KT	29/04/2025	4	TĐ	K11N36				
2	ACC306_242_11_L36	Kế toán ngân hàng	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.306	TĐ	KT-KT	25/04/2025	5	TĐ	K11N36		X		
3	MLM307_242_11_L36	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	KT	11	S	1-5	4	13-18	B2.303	TĐ	KHXX	17/07/2025	S3	TĐ	K11N36		X		
	KHÓA 11 NHÓM 37	KT																				
1	ACC707_242_11_L37	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	Ngành	KT	11	C	6-10	3	1,3-10	B2.404	TĐ	KT-KT	29/04/2025	4	TĐ	K11N37				
2	ACC306_242_11_L37	Kế toán ngân hàng	3	45	Ngành	KT	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.306	TĐ	KT-KT	25/04/2025	5	TĐ	K11N37		X		
3	MLM307_242_11_L37	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	KT	11	C	6-10	4	13-18	B2.305	TĐ	KHXX	17/07/2025	S3	TĐ	K11N37		X		
	KHÓA 11 NHÓM 38	KT																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	ACC707_242_11_L38	Kế toán tài chính các doanh nghiệp đặc thù	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	3	1,3-10	B2.404	TĐ	KT-KT	29/04/2025	4	TĐ	K11N38				
2	ACC306_242_11_L38	Kế toán ngân hàng	3	45	Ngành	KT	11	S	1-5	4	1,3-10	B2.306	TĐ	KT-KT	25/04/2025	5	TĐ	K11N38		X		
3	MLM307_242_11_L38	Kinh tế chính trị	2	30	GDĐC	KT	11	S	1-5	5	13-18	B2.502	TĐ	KHXX	17/07/2025	S3	TĐ	K11N38		X		
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 11 NGÀNH KT (SV đăng ký 3 học phần tự chọn)																				
1	FIN302_242_11_L01	Thị trường tài chính và các định chế tài chính (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	6	13-21	B2.305	TĐ	TC	15/07/2025	C3	TĐ	K11		X	TT	X
2	BAF301_242_11_L01	Hoạt động kinh doanh ngân hàng (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	5	1,3-10	B2.503	TĐ	NH	23/04/2025	3	TĐ	K11			TT	X
3	FIN311_242_11_L01	Thuế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.307	TĐ	TC	24/04/2025	1	TĐ	K11			TT	X
4	BAF306_242_11_L01	Thẩm định giá tài sản (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	4	13-21	B2.304	TĐ	NH	14/07/2025	1	TĐ	K11			TT	X
5	DIM703_242_11_L01	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	5	1,3-10	B2.404	TĐ	QTKD	28/04/2025	1	TĐ	K11			TT	X
6	BAF307_242_11_L13	Thanh toán quốc tế (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	5	13-21	B2.503	TĐ	NH	16/07/2025	2	TĐ	K11			TT	X
7	FIN304_242_11_L26	Phân tích tài chính doanh nghiệp (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.401	TĐ	TC	26/04/2025	C2	TĐ	K11		X	TT	X
8	ITS318_242_11_L01	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	3	1,3-10	PM203	39 HN	HTTT	24/04/2025	2	Q.1	K11	X		D-Acc	X
9	ITS318_242_11_L02	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	3	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	24/04/2025	2	TĐ	K11	X		D-Acc	X
10	ITS318_242_11_L03	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	4	1,3-10	C303	TĐ	HTTT	24/04/2025	2	TĐ	K11	X		D-Acc	X
11	ITS318_242_11_L04	Cơ sở lập trình (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	4	1,3-10	C303	TĐ	HTTT	24/04/2025	2	TĐ	K11	X		D-Acc	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
12	DAT714_242_11_L01	Thực quan hóa dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	6	1,3-10	B2.307	TĐ	KT-KT	28/04/2025	S3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
13	DAT714_242_11_L02	Thực quan hóa dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	6	1,3-10	B2.402	TĐ	KT-KT	28/04/2025	S3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
14	DAT714_242_11_L03	Thực quan hóa dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	2 7	1,3-8,10 10	B2.302 B2.207	TĐ	KT-KT	28/04/2025	S3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
15	DAT714_242_11_L04	Thực quan hóa dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	2 7	1,3-8,10 10	B2.305 B2.207	TĐ	KT-KT	28/04/2025	S3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
16	DAT710_242_11_L01	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	4	13-21	B2.305	TĐ	KT-KT	15/07/2025	C3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
17	DAT710_242_11_L02	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	4	13-21	B2.306	TĐ	KT-KT	15/07/2025	C3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
18	DAT710_242_11_L03	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	S	1-5	3	13-21	B2.404	TĐ	KT-KT	15/07/2025	C3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
19	DAT710_242_11_L04	Phân tích dữ liệu kế toán với Python (tự chọn)	3	45	Cơ sở ngành	KT	11	C	6-10	3	13-21	B2.403	TĐ	KT-KT	15/07/2025	C3	TĐ	K11		X	D-Acc	X
	TIN HỌC ỨNG DỤNG	KHÓA 11																				
1	ITS301_242_11_L01	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	PM503	39 HN	HTTT	28/04/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
2	ITS301_242_11_L02	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3	1,3-10	PM503	39 HN	HTTT	28/04/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
3	ITS301_242_11_L03	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	4	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	28/04/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
4	ITS301_242_11_L04	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5	1,3-10	C303	TĐ	HTTT	28/04/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
5	ITS301_242_11_L05	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6	1,3-10	C204	TĐ	HTTT	28/04/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
6	ITS301_242_11_L06	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	PM201	39 HN	HTTT	28/04/2025	C2	TĐ	K11	X	X		X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn Định hướng)	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	ITS301_242_11_L07	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3	1,3-10	PM503	39 HN	HTTT	28/04/2025	C2	TĐ	K11	X	X		X
8	ITS301_242_11_L08	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	28/04/2025	C2	TĐ	K11	X	X		X
9	ITS301_242_11_L09	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	28/04/2025	C2	TĐ	K11	X	X		X
10	ITS301_242_11_L10	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	28/04/2025	C2	TĐ	K11	X	X		X
11	ITS301_242_11_L11	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5	13-21	C303	TĐ	HTTT	16/07/2025	S3	TĐ	K11	X	X		X
12	ITS301_242_11_L12	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	S3	TĐ	K11	X	X		X
13	ITS301_242_11_L13	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	4	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	S3	TĐ	K11	X	X		X
14	ITS301_242_11_L14	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	S3	TĐ	K11	X	X		X
15	ITS301_242_11_L15	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	S3	TĐ	K11	X	X		X
16	ITS301_242_11_L16	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5	13-21	C303	TĐ	HTTT	16/07/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
17	ITS301_242_11_L17	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
18	ITS301_242_11_L18	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
19	ITS301_242_11_L19	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
20	ITS301_242_11_L20	Tin học ứng dụng	3	45	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6	13-21	C304	TĐ	HTTT	16/07/2025	C1	TĐ	K11	X	X		X
	HỌC PHẦN GDTC	KHÓA 11																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	GYM303_242_11_PB01	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	2	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	31/03/2025	1	TĐ	K11				X
2	GYM303_242_11_PB02	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	2	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	31/03/2025	3	TĐ	K11				X
3	GYM303_242_11_PB03	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	2	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	31/03/2025	2	TĐ	K11				X
4	GYM303_242_11_PB04	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	2	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	31/03/2025	4	TĐ	K11				X
5	GYM303_242_11_PB05	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	3	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K11				X
6	GYM303_242_11_PB06	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	3	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	01/04/2025	3	TĐ	K11				X
7	GYM303_242_11_PB07	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	3	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K11				X
8	GYM303_242_11_PB08	Học phần GDTC 3 (Pickleball)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	3	1,3,4 5,6,7	Sân tập PB	TĐ	GDQP	01/04/2025	4	TĐ	K11				X
9	GYM303_242_11_KA09	Học phần GDTC 3 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	4	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	02/04/2025	1	TĐ	K11				X
10	GYM303_242_11_KA10	Học phần GDTC 3 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	4	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	02/04/2025	3	TĐ	K11				X
11	GYM303_242_11_KA11	Học phần GDTC 3 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	4	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	02/04/2025	2	TĐ	K11				X
12	GYM303_242_11_CL12	Học phần GDTC 3 (Câu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	4	1,3,4 5,6,7	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	02/04/2025	3	TĐ	K11				X
13	GYM303_242_11_KA13	Học phần GDTC 3 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	5	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	03/04/2025	1	TĐ	K11				X
14	GYM303_242_11_BC14	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	5	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	03/04/2025	3	TĐ	K11				X
15	GYM303_242_11_KA15	Học phần GDTC 3 (Karate)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	5	1,3,4 5,6,7	Trước giảng đường C	TĐ	GDQP	03/04/2025	2	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
16	GYM303_242_11_BC16	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	5	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	03/04/2025	4	TĐ	K11				X
17	GYM303_242_11_BD17	Học phần GDTC 3 (Bóng đá)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	6	1,3,4 5,6,7	Sân BD	TĐ	GDQP	04/04/2025	1	TĐ	K11				X
18	GYM303_242_11_BC18	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	6	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	04/04/2025	3	TĐ	K11				X
19	GYM303_242_11_BD19	Học phần GDTC 3 (Bóng đá)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	6	1,3,4 5,6,7	Sân BD	TĐ	GDQP	04/04/2025	2	TĐ	K11				X
20	GYM303_242_11_BC20	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	6	1,3,4 5,6,7	Sân tập BC	TĐ	GDQP	04/04/2025	4	TĐ	K11				X
21	GYM303_242_11_QV21	Học phần GDTC 3 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	2	13-15 16-18	Sân Tennis	TĐ	GDQP	16/06/2025	1	TĐ	K11				X
22	GYM303_242_11_CL22	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	2	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	16/06/2025	3	TĐ	K11				X
23	GYM303_242_11_CL23	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	2	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	16/06/2025	1	TĐ	K11				X
24	GYM303_242_11_CL24	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	2	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	16/06/2025	4	TĐ	K11				X
25	GYM303_242_11_QV25	Học phần GDTC 3 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	3	13-15 16-18	Sân Tennis	TĐ	GDQP	17/06/2025	1	TĐ	K11				X
26	GYM303_242_11_CL26	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	3	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	17/06/2025	3	TĐ	K11				X
27	GYM303_242_11_CL27	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	3	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	17/06/2025	1	TĐ	K11				X
28	GYM303_242_11_CL28	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	3	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	17/06/2025	4	TĐ	K11				X
29	GYM303_242_11_QV29	Học phần GDTC 3 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	4	13-15 16-18	Sân Tennis	TĐ	GDQP	18/06/2025	1	TĐ	K11				X
30	GYM303_242_11_CL30	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	4	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	18/06/2025	4	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
31	GYM303_242_11_CL31	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	4	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	18/06/2025	1	TĐ	K11				X
32	GYM303_242_11_BC32	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	4	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	18/06/2025	3	TĐ	K11				X
33	GYM303_242_11_CL33	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	4-5 1-3	5	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	19/06/2025	1	TĐ	K11				X
34	GYM303_242_11_BC34	Học phần GDTC 3 (Bóng chuyền)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	9-10 6-8	5	13-15 16-18	Sân tập BC	TĐ	GDQP	19/06/2025	3	TĐ	K11				X
25	GYM303_242_11_QV35	Học phần GDTC 3 (Quần vợt)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	S	1-3 4-5	5	13-15 16-18	Sân Tennis	TĐ	GDQP	19/06/2025	1	TĐ	K11				X
26	GYM303_242_11_CL36	Học phần GDTC 3 (Cầu lông)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	11	C	6-8 9-10	5	13-15 16-18	Nhà thi đấu	TĐ	GDQP	19/06/2025	3	TĐ	K11				X
	TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG	KHÓA 11																				
1	INE349_242_11_L01	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.205 B2.404	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
2	INE349_242_11_L02	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.302 B2.801	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
3	INE349_242_11_L03	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 6	1,3-10 8,9,10	B2.804 B2.503	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
4	INE349_242_11_L04	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 6	1,3-10 8,9,10	B2.401 B2.203	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
5	INE349_242_11_L05	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	1,3-10 7,9,10	B2.403 B2.503	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
6	INE349_242_11_L06	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	1,3-10 7,9,10	B2.401 B2.402	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
7	INE349_242_11_L07	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 2	1,3-10 7,8,10	B2.303 B2.503	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
8	INE349_242_11_L08	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 2	1,3-10 7,8,10	B2.303 B2.601	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
9	INE349_242_11_L09	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 7,8,9,10	B2.303 B2.803	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
10	INE349_242_11_L10	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 2	1,3-10 4,5,6	B2.306 B2.504	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
11	INE349_242_11_L11	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 3,4,5,6	B2.206 B2.404	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
12	INE349_242_11_L12	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 3,4,5,6	B2.303 B2.704	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
13	INE349_242_11_L13	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 5	1,3-10 5,6,7	B2.401 B2.901	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
14	INE349_242_11_L14	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 5	1,3-10 8,9,10	B2.402 B2.704	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
15	INE349_242_11_L15	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	1,3-10 4,5,6	B2.501 B2.503	TĐ	FLIC	25/04/2025	1	TĐ	K11				X
16	INE349_242_11_L16	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	1,3-10 4,5,6	B2.402 B2.402	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
17	INE349_242_11_L17	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	1,3-10 8,9,10	B2.304 B2.802	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
18	INE349_242_11_L18	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	1,3-10 8,9,10	B2.304 B2.704	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
19	INE349_242_11_L19	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 7,8,9,10	B2.304 B2.901	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
20	INE349_242_11_L20	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	1,3-10 8,9,10	B2.307 B2.104	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
21	INE349_242_11_L21	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.207 B2.804	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
22	INE349_242_11_L22	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.304 B2.703	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
23	INE349_242_11_L23	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 4	1,3-10 8,9,10	B2.402 B2.205	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
24	INE349_242_11_L24	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 4	1,3-10 8,9,10	B2.403 B2.603	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
25	INE349_242_11_L25	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 2	1,3-10 4,5,6	B2.502 B2.103	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
26	INE349_242_11_L26	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 2	1,3-10 4,5,6	B2.403 B2.504	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
27	INE349_242_11_L27	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	1,3-10 5,6,7	B2.305 B2.802	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
28	INE349_242_11_L28	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	1,3-10 5,6,7	B2.305 B2.704	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
29	INE349_242_11_L29	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 3,4,5,6	B2.305 B2.804	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
30	INE349_242_11_L30	Tiếng Anh tăng cường 5 (Intensive English 5)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	1,3-10 8,9,10	B2.404 B2.703	TĐ	FLIC	25/04/2025	2	TĐ	K11				X
31	INE350_242_11_L01	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.204 B2.305	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
32	INE350_242_11_L02	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 19,20,21	B2.306 B2.305	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
33	INE350_242_11_L03	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 6	13-21 19,20,21	B2.307 B2.207	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
34	INE350_242_11_L04	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 6	13-21 19,20,21	B2.307 B2.107	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
35	INE350_242_11_L05	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	13-21 18,20,21	B2.306 B2.601	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
36	INE350_242_11_L06	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	13-21 18,20,21	B2.307 B2.502	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
37	INE350_242_11_L07	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 2	13-21 19,20,21	B2.302 B2.503	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
38	INE350_242_11_L08	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 2	13-21 19,20,21	B2.303 B2.104	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
39	INE350_242_11_L09	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 3	13-18,20,21 18,19,20,21	B2.206 B2.401	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
40	INE350_242_11_L10	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 2	13-21 19,20,21	B2.302 B2.503	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
41	INE350_242_11_L11	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.205 B2.703	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
42	INE350_242_11_L12	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 19,20,21	B2.207 B2.203	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
43	INE350_242_11_L13	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 5	13-21 19,20,21	B2.402 B2.801	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
44	INE350_242_11_L14	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 5	13-21 19,20,21	B2.401 B2.105	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
45	INE350_242_11_L15	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	13-21 15,16,17	B2.307 B2.601	TĐ	FLIC	08/07/2025	1	TĐ	K11				X
46	INE350_242_11_L16	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	13-21 15,16,17	B2.401 B2.501	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
47	INE350_242_11_L17	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	13-21 19,20,21	B2.303 B2.703	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
48	INE350_242_11_L18	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	13-21 19,20,21	B2.304 B2.303	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
49	INE350_242_11_L19	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	13-18,20,21 18,19,20,21	B2.207 B2.403	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
50	INE350_242_11_L20	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	13-21 19,20,21	B2.303 B2.302	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
51	INE350_242_11_L21	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.206 B2.504	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
52	INE350_242_11_L22	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 19,20,21	B2.302 B2.602	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
53	INE350_242_11_L23	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 4	13-21 19,20,21	B2.403 B2.206	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
54	INE350_242_11_L24	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 4	13-21 19,20,21	B2.402 B2.205	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
55	INE350_242_11_L25	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 2	13-21 19,20,21	B2.404 B2.502	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
56	INE350_242_11_L26	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 2	13-21 19,20,21	B2.402 B2.502	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
57	INE350_242_11_L27	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	13-21 19,20,21	B2.304 B2.702	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
58	INE350_242_11_L28	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	13-21 19,20,21	B2.305 B2.204	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
59	INE350_242_11_L29	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	13-18,20,21 14,15,16,17	B2.302 B2.501	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
60	INE350_242_11_L30	Tiếng Anh tăng cường 6 (Intensive English 6)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	13-21 19,20,21	B2.304 B2.202	TĐ	FLIC	08/07/2025	2	TĐ	K11				X
	KHÓA 12 NHÓM 1	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L01	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	407	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S1	TĐ	K12N1		X		
2	AMA303_242_12_L01	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	502	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N1				
3	BAF706_242_12_L01	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	407	36 TTĐ	NH	28/04/2025	3	Q.1	K12N1				
4	MES303_242_12_L01	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	406	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N1				
5	LAW304_242_12_L01	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	407	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	3	Q.1	K12N1				
6	ACC301_242_12_L01	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	405	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	1	Q.1	K12N1				
7	SKL309_242_12_L01	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	5	13-18	406	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N1				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 12 NHÓM 2	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L02	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	406	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S1	TĐ	K12N2		X		
2	AMA303_242_12_L02	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	501	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N2				
3	BAF706_242_12_L02	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	407	36 TTĐ	NH	28/04/2025	3	Q.1	K12N2				
4	MES303_242_12_L02	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	406	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N2				
5	LAW304_242_12_L02	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	406	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	3	Q.1	K12N2				
6	ACC301_242_12_L02	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	405	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	1	Q.1	K12N2				
7	SKL309_242_12_L02	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	5	13-18	404	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N2				
	KHÓA 12 NHÓM 3	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L03	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	503	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S1	TĐ	K12N3		X		
2	MES303_242_12_L03	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	501	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	4	Q.1	K12N3				
3	BAF706_242_12_L03	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	407	36 TTĐ	NH	28/04/2025	3	Q.1	K12N3				
4	AMA303_242_12_L03	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	501	36 TTĐ	KHDL	15/07/2025	1	Q.1	K12N3				
5	LAW304_242_12_L03	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	407	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	3	Q.1	K12N3				
6	ACC301_242_12_L03	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	13-21	405	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	1	Q.1	K12N3				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	SKL309_242_12_L03	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	7	13-18	403	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N3				
	KHÓA 12 NHÓM 4	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L04	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	502	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S1	TĐ	K12N4		X		
2	MES303_242_12_L04	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	501	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	4	Q.1	K12N4				
3	BAF706_242_12_L04	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	407	36 TTĐ	NH	28/04/2025	3	Q.1	K12N4				
4	AMA303_242_12_L04	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	407	36 TTĐ	KHDL	15/07/2025	1	Q.1	K12N4				
5	LAW304_242_12_L04	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	405	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	3	Q.1	K12N4				
6	ACC301_242_12_L04	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	13-21	404	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	1	Q.1	K12N4				
7	SKL309_242_12_L04	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	7	13-18	403	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N4				
	KHÓA 12 NHÓM 5	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L05	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	502	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S1	TĐ	K12N5		X		
2	AMA303_242_12_L05	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	501	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N5				
3	BAF706_242_12_L05	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 8	406 406	36 TTĐ	NH	28/04/2025	4	Q.1	K12N5				
4	MES303_242_12_L05	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	406	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N5				
5	LAW304_242_12_L05	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	501	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	4	Q.1	K12N5				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
6	ACC301_242_12_L05	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 21	404 405	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	2	Q.1	K12N5				
7	SKL309_242_12_L05	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	2	13-18	407	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N5				
	KHÓA 12 NHÓM 6	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L06	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	502	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S2	TĐ	K12N6		X		
2	AMA303_242_12_L06	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	501	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N6				
3	BAF706_242_12_L06	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 8	407 504	36 TTĐ	NH	28/04/2025	4	Q.1	K12N6				
4	MES303_242_12_L06	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	406	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N6				
5	LAW304_242_12_L06	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	406	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	4	Q.1	K12N6				
6	ACC301_242_12_L06	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 21	406 402	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	2	Q.1	K12N6				
7	SKL309_242_12_L06	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	2	13-18	407	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N6				
	KHÓA 12 NHÓM 7	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L07	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	502	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S2	TĐ	K12N7		X		
2	AMA303_242_12_L07	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 8	407	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N5				
3	BAF706_242_12_L07	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	504	36 TTĐ	NH	28/04/2025	4	Q.1	K12N7				
4	MES303_242_12_L07	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	502	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N7				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
5	LAW304_242_12_L07	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 20	405 405	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	4	Q.1	K12N7				
6	ACC301_242_12_L07	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	501	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	2	Q.1	K12N7				
7	SKL309_242_12_L07	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	6	13-18	406	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N7				
	KHÓA 12 NHÓM 8	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L08	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	502	36 TTĐ	KHXX	25/04/2025	S2	TĐ	K12N8		X		
2	AMA303_242_12_L08	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 8	301 503	36 TTĐ	KTQT	26/04/2025	3	Q.1	K12N8				
3	BAF706_242_12_L08	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	503	36 TTĐ	NH	28/04/2025	4	Q.1	K12N8				
4	MES303_242_12_L08	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	407	36 TTĐ	KTQT	15/07/2025	2	Q.1	K12N8				
5	LAW304_242_12_L08	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 20	407 402	36 TTĐ	LKT	17/07/2025	4	Q.1	K12N8				
6	ACC301_242_12_L08	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	501	36 TTĐ	KT-KT	19/07/2025	2	Q.1	K12N8				
7	SKL309_242_12_L08	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	6	13-18	405	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N8				
	KHÓA 12 NHÓM 9	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L09	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.306 B2.702	TĐ	KHXX	25/04/2025	S2	TĐ	K12N9		X		
2	AMA303_242_12_L09	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	2 5	1,3-8,10 10	B2.303 B2.704	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N9				
3	BAF706_242_12_L09	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.501	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N9				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	MES303_242_12_L09	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 5	13-18,20,21 20	B2.303 B2.803	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N9				
5	LAW304_242_12_L09	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.207	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N9				
6	ACC301_242_12_L09	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.501	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N9				
7	SKL309_242_12_L09	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	4	13-18	B2.306	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N9				
	KHÓA 12 NHÓM 10	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L10	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.303 B2.604	TĐ	KHXX	25/04/2025	S2	TĐ	K12N10		X		
2	AMA303_242_12_L10	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	2 5	1,3-8,10 10	B2.306 B2.701	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N10				
3	BAF706_242_12_L10	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.501	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N10				
4	MES303_242_12_L10	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 5	13-18,20,21 21	B2.206 B2.604	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N10				
5	LAW304_242_12_L10	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.303	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N10				
6	ACC301_242_12_L10	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.404	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N10				
7	SKL309_242_12_L10	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	4	13-18	B2.307	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N10				
	KHÓA 12 NHÓM 11	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L11	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.502	TĐ	KHXX	25/04/2025	S3	TĐ	K12N11		X		
2	AMA303_242_12_L11	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.307	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N11				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	BAF706_242_12_L11	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.504	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N11				
4	MES303_242_12_L11	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.302	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N11				
5	LAW304_242_12_L11	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.502	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N11				
6	ACC301_242_12_L11	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	B2.307	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N11				
7	SKL309_242_12_L11	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	5	13-18	B2.504	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N11				
	KHÓA 12 NHÓM 12	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L12	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.502	TĐ	KHXX	25/04/2025	S3	TĐ	K12N12		X		
2	AMA303_242_12_L12	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.501	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N12				
3	BAF706_242_12_L12	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.501	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N12				
4	MES303_242_12_L12	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.304	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N12				
5	LAW304_242_12_L12	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.501	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N12				
6	ACC301_242_12_L12	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	B2.401	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N12				
7	SKL309_242_12_L12	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	5	13-18	B2.403	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N12				
	KHÓA 12 NHÓM 13	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L13	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.401	TĐ	KHXX	25/04/2025	S3	TĐ	K12N13		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	MES303_242_12_L13	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.601	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N13				
3	BAF706_242_12_L13	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.401	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N13				
4	AMA303_242_12_L13	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.503	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N13				
5	LAW304_242_12_L13	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	B2.601	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N13				
6	ACC301_242_12_L13	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	13-21	B2.306	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N13				
7	SKL309_242_12_L13	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	7	13-18	B2.304	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N13				
	KHÓA 12 NHÓM 14	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L14	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.502	TĐ	KHXX	25/04/2025	S3	TĐ	K12N14		X		
2	MES303_242_12_L14	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.502	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N14				
3	BAF706_242_12_L14	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.403	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N14				
4	AMA303_242_12_L14	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.502	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N14				
5	LAW304_242_12_L14	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	B2.404	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N14				
6	ACC301_242_12_L14	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	13-21	B2.306	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N14				
7	SKL309_242_12_L14	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	7	13-18	B2.207	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N14				
	KHÓA 12 NHÓM 5	TCNH																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	MLM306_242_12_L15	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.602	TĐ	KHXX	25/04/2025	S3	TĐ	K12N15		X		
2	AMA303_242_12_L15	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.402	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N15				
3	BAF706_242_12_L15	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 10	B2.307 B2.104	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N15				
4	MES303_242_12_L15	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	B2.401	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N15				
5	LAW304_242_12_L15	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	B2.602	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N15				
6	ACC301_242_12_L15	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 21	B2.305 B2.603	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N15				
7	SKL309_242_12_L15	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	2	13-18	B2.303	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N15				
	KHÓA 12 NHÓM 16	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L16	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.503	TĐ	KHXX	25/04/2025	C1	TĐ	K12N16		X		
2	AMA303_242_12_L16	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.404	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N16				
3	BAF706_242_12_L16	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 9	B2.304 B2.602	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N16				
4	MES303_242_12_L16	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	B2.402	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N16				
5	LAW304_242_12_L16	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	B2.501	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N16				
6	ACC301_242_12_L16	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 21	B2.302 B2.604	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N16				
7	SKL309_242_12_L16	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	2	13-18	B2.305	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N16				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 12 NHÓM 17	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L17	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.403	TĐ	KHXX	25/04/2025	C1	TĐ	K12N17		X		
2	AMA303_242_12_L17	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.401 B2.704	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N17				
3	BAF706_242_12_L17	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.402	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N17				
4	MES303_242_12_L17	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	B2.603	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N17				
5	LAW304_242_12_L17	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 20	B2.306 B2.603	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N17				
6	ACC301_242_12_L17	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.304	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N17				
7	SKL309_242_12_L17	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	6	13-18	B2.307	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N17				
	KHÓA 12 NHÓM 18	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L18	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.501	TĐ	KHXX	25/04/2025	C1	TĐ	K12N18		X		
2	AMA303_242_12_L18	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.305 B2.701	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N18				
3	BAF706_242_12_L18	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.503	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N18				
4	MES303_242_12_L18	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	B2.502	TĐ	KTQT	15/07/2025	2	TĐ	K12N18				
5	LAW304_242_12_L18	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 20	B2.303 B2.604	TĐ	LKT	17/07/2025	3	TĐ	K12N18				
6	ACC301_242_12_L18	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.306	TĐ	KT-KT	19/07/2025	1	TĐ	K12N18				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	SKL309_242_12_L18	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	6	13-18	B2.307	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N18				
	KHÓA 12 NHÓM 19	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L19	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.402 B2.205	TĐ	KHXX	25/04/2025	C1	TĐ	K12N19		X		
2	MES303_242_12_L19	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2 5	1,3-8,10 10	B2.304 B2.105	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N19				
3	BAF706_242_12_L19	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.503	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N19				
4	AMA303_242_12_L19	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	7 4	13-18,20,21 20	B2.307 B2.502	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N19				
5	LAW304_242_12_L19	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.305	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N19				
6	ACC301_242_12_L19	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.504	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N19				
7	SKL309_242_12_L19	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	4	13-18	B2.402	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N19				
	KHÓA 12 NHÓM 20	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L20	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 9	B2.306 B2.204	TĐ	KHXX	25/04/2025	C1	TĐ	K12N20		X		
2	MES303_242_12_L20	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2 5	1,3-8,10 10	B2.307 B2.204	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N20				
3	BAF706_242_12_L20	Tài chính cá nhân	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.503	TĐ	NH	28/04/2025	3	TĐ	K12N20				
4	AMA303_242_12_L20	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	7 4	13-18,20,21 20	B2.304 B2.503	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N20				
5	LAW304_242_12_L20	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.307	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N20				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
6	ACC301_242_12_L20	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.503	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N20				
7	SKL309_242_12_L20	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	4	13-18	B2.403	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N20				
	KHÓA 12 NHÓM 21	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L21	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.504	TĐ	KHXX	25/04/2025	C2	TĐ	K12N21		X		
2	MES303_242_12_L21	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.403	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N21				
3	FIN709_242_12_L21	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.603	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N21				
4	AMA303_242_12_L21	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.306	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N21				
5	LAW304_242_12_L21	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.601	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N21				
6	ACC301_242_12_L21	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	B2.403	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N21				
7	SKL309_242_12_L21	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	5	13-18	B2.604	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N21				
	KHÓA 12 NHÓM 22	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L22	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.504	TĐ	KHXX	25/04/2025	C2	TĐ	K12N22		X		
2	MES303_242_12_L22	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.504	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N22				
3	FIN709_242_12_L22	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.504	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N22				
4	AMA303_242_12_L22	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.401	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N22				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
5	LAW304_242_12_L22	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.504	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N22				
6	ACC301_242_12_L22	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	B2.404	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N22				
7	SKL309_242_12_L22	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	5	13-18	B2.503	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N22				
	KHÓA 12 NHÓM 23	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L23	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.404	TĐ	KHXX	25/04/2025	C2	TĐ	K12N23		X		
2	MES303_242_12_L23	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.604	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N23				
3	FIN709_242_12_L23	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.404	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N23				
4	AMA303_242_12_L23	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	13-21	B2.602	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N23				
5	LAW304_242_12_L23	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	B2.701	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N23				
6	ACC301_242_12_L23	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	13-21	B2.401	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N23				
7	SKL309_242_12_L23	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	7	13-18	B2.401	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N23				
	KHÓA 12 NHÓM 24	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L24	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.601	TĐ	KHXX	25/04/2025	C2	TĐ	K12N24		X		
2	MES303_242_12_L24	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.601	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N24				
3	FIN709_242_12_L24	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.502	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N24				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHÔI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	AMA303_242_12_L24	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	13-21	B2.601	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N24				
5	LAW304_242_12_L24	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	B2.504	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N24				
6	ACC301_242_12_L24	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	13-21	B2.401	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N24				
7	SKL309_242_12_L24	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	7	13-18	B2.305	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N24				
	KHÓA 12 NHÓM 25	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L25	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.701	TĐ	KHXX	25/04/2025	C2	TĐ	K12N25		X		
2	MES303_242_12_L25	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.501	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N25				
3	FIN709_242_12_L25	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2 3	1,3-8,10 8	B2.305 B2.602	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N25				
4	AMA303_242_12_L25	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	13-21	B2.404	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N25				
5	LAW304_242_12_L25	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	6	13-21	B2.402	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N25				
6	ACC301_242_12_L25	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 21	B2.402 B2.604	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N25				
7	SKL309_242_12_L25	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	2	13-18	B2.307	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N25				
	KHÓA 12 NHÓM 26	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L26	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.602	TĐ	KHXX	25/04/2025	C3	TĐ	K12N26		X		
2	MES303_242_12_L26	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.503	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N26				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	FIN709_242_12_L26	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2 3	1,3-8,10 8	B2.401 B2.603	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N26				
4	AMA303_242_12_L26	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	13-21	B2.501	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N26				
5	LAW304_242_12_L26	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	6	13-21	B2.402	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N26				
6	ACC301_242_12_L26	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 21	B2.306 B2.602	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N26				
7	SKL309_242_12_L26	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	2	13-18	B2.402	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N26				
	KHÓA 12 NHÓM 27	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L27	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.502	TĐ	KHXX	25/04/2025	C3	TĐ	K12N27		X		
2	MES303_242_12_L27	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2 4	1,3-8,10 8	B2.306 B2.104	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N27				
3	FIN709_242_12_L27	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.601	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N27				
4	AMA303_242_12_L27	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	13-21	B2.702	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N27				
5	LAW304_242_12_L27	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 20	B2.403 B2.604	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N27				
6	ACC301_242_12_L27	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	S	1-5	2	13-21	B2.401	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N27				
7	SKL309_242_12_L27	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	S	1-5	6	13-18	B2.403	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N27				
	KHÓA 12 NHÓM 28	TCNH																				
1	MLM306_242_12_L28	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.504	TĐ	KHXX	25/04/2025	C3	TĐ	K12N28		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	MES303_242_12_L28	Kinh tế học vĩ mô	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2 4	1,3-8,10 8	B2.402 B2.602	TĐ	KTQT	26/04/2025	4	TĐ	K12N28				
3	FIN709_242_12_L28	Đạo đức nghề nghiệp trong ngành TCNH	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.601	TĐ	TC	28/04/2025	2	TĐ	K12N28				
4	AMA303_242_12_L28	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	13-21	B2.601	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N28				
5	LAW304_242_12_L28	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	7 3	13-18,20,21 20	B2.307 B2.602	TĐ	LKT	17/07/2025	4	TĐ	K12N28				
6	ACC301_242_12_L28	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	TCNH	12	C	6-10	2	13-21	B2.403	TĐ	KT-KT	19/07/2025	2	TĐ	K12N28				
7	SKL309_242_12_L28	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	TCNH	12	C	6-10	6	13-18	B2.403	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N28				
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 12 NGÀNH TCNH (SV đăng ký 1 môn tự chọn)																				
1	SOC303_242_12_L01	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-7	501	36 TTĐ	KHXX	24/04/2025	C3	TĐ	K12		X	TT	X
2	SOC303_242_12_L02	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-7	407	36 TTĐ	KHXX	24/04/2025	C3	TĐ	K12		X	TT	X
3	SOC303_242_12_L03	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-7	B2.501	TĐ	KHXX	24/04/2025	C3	TĐ	K12		X	TT	X
4	SOC303_242_12_L04	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-7	B2.602	TĐ	KHXX	24/04/2025	C3	TĐ	K12		X	TT	X
5	SOC303_242_12_L05	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-7	B2.702	TĐ	KHXX	24/04/2025	C3	TĐ	K12		X	TT	X
6	SOC303_242_12_L06	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-7	B2.603	TĐ	KHXX	24/04/2025	5	TĐ	K12		X	TT	X
7	SOC303_242_12_L07	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-7	B2.503	TĐ	KHXX	24/04/2025	5	TĐ	K12		X	TT	X
8	SOC303_242_12_L08	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-7	B2.601	TĐ	KHXX	24/04/2025	5	TĐ	K12		X	TT	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
9	BAF721_242_12_L01	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-7	B2.602	TĐ	HTTT	24/04/2025	3	TĐ	K12			Fin	X
10	BAF721_242_12_L02	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-7	B2.602	TĐ	HTTT	24/04/2025	3	TĐ	K12			Fin	X
11	BAF721_242_12_L03	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-7	505	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
12	BAF721_242_12_L04	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-7	504	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
13	BAF721_242_12_L05	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-7	503	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
14	BAF721_242_12_L06	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-7	503	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
15	BAF721_242_12_L07	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-7	B2.504	TĐ	HTTT	24/04/2025	3	TĐ	K12			Fin	X
16	BAF721_242_12_L08	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-7	B2.602	TĐ	HTTT	24/04/2025	3	TĐ	K12			Fin	X
17	BAF721_242_12_L09	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	2	1,3-7	502	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
18	BAF721_242_12_L10	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	2	1,3-7	405	36 TTĐ	HTTT	24/04/2025	3	Q.1	K12			Fin	X
19	BAF721_242_12_L11	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	3	1,3-7	B2.603	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
20	BAF721_242_12_L12	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	3	1,3-7	B2.603	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
21	BAF721_242_12_L13	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	4	1,3-7	B2.502	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
22	BAF721_242_12_L14	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	4	1,3-7	B2.603	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
23	BAF721_242_12_L15	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	5	1,3-7	B2.703	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
24	BAF721_242_12_L16	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	5	1,3-7	B2.604	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
25	BAF721_242_12_L17	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	6	1,3-7	B2.601	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
26	BAF721_242_12_L18	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	6	1,3-7	B2.603	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
27	BAF721_242_12_L19	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	S	1-5	2	1,3-7	B2.307	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
28	BAF721_242_12_L20	Giới thiệu về khoa học máy tính (tự chọn)	2	30	GDĐC	TCNH	12	C	6-10	2	1,3-7	B2.403	TĐ	HTTT	24/04/2025	4	TĐ	K12			Fin	X
	KHÓA 12 NHÓM 29	QTKD																				
1	AMA303_242_12_L29	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	3	1,3-10	502	36 TTĐ	KHDL	26/04/2025	4	Q.1	K12N29				
2	LAW304_242_12_L29	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	5	1,3-10	504	36 TTĐ	LKT	29/04/2025	3	Q.1	K12N29				
3	ACC301_242_12_L29	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	2 6	1,3-8,10 8	501 503	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	1	Q.1	K12N29				
4	SKL309_242_12_L29	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	S	1-5	6	1,3-7	503	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N29				
5	MLM306_242_12_L29	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	3	13-21	502	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	S2	TĐ	K12N29		X		
6	MES302_242_12_L29	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	5	13-21	503	36 TTĐ	KTQT	14/07/2025	3	Q.1	K12N29				
7	MAG701_242_12_L29	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	2	13-18	502	36 TTĐ	QTKD	16/07/2025	1	Q.1	K12N29				
8	SOC303_242_12_L29	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	4	13-18	407	36 TTĐ	KHXX	19/07/2025	S1	TĐ	K12N29		X		
	KHÓA 12 NHÓM 30	QTKD																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	AMA303_242_12_L30	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	3	1,3-10	501	36 TTĐ	KHDL	26/04/2025	4	Q.1	K12N30				
2	LAW304_242_12_L30	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	5	1,3-10	504	36 TTĐ	LKT	29/04/2025	3	Q.1	K12N30				
3	ACC301_242_12_L30	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	2 6	1,3-8,10 8	406 503	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	1	Q.1	K12N30				
4	SKL309_242_12_L30	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	C	6-10	6	1,3-7	503	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N30				
5	MLM306_242_12_L30	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	3	13-21	501	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	S2	TĐ	K12N30		X		
6	MES302_242_12_L30	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	5	13-21	501	36 TTĐ	KTQT	14/07/2025	3	Q.1	K12N30				
7	MAG701_242_12_L30	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	2	13-18	502	36 TTĐ	QTKD	16/07/2025	1	Q.1	K12N30				
8	SOC303_242_12_L30	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	4	13-18	407	36 TTĐ	KHXX	19/07/2025	S1	TĐ	K12N30		X		
	KHÓA 12 NHÓM 31	QTKD																				
1	MES302_242_12_L31	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.503	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N31				
2	LAW304_242_12_L31	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.602	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N31				
3	ACC301_242_12_L31	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.604	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N31				
4	SKL309_242_12_L31	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	S	1-5	2	1,3-7	B2.401	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N31				
5	MLM306_242_12_L31	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	4	13-21	B2.501	TĐ	KHXX	18/07/2025	S3	TĐ	K12N31		X		
6	AMA303_242_12_L31	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	6	13-21	B2.404	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N31				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	MAG701_242_12_L31	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	7	13-18	B2.404	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N31				
8	SOC303_242_12_L31	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	5	13-18	B2.703	TĐ	KHXX	19/07/2025	S1	TĐ	K12N31		X		
	KHÓA 12 NHÓM 32	QTKD																				
1	MES302_242_12_L32	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.604	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N32				
2	LAW304_242_12_L32	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.604	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N32				
3	ACC301_242_12_L32	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.604	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N32				
4	SKL309_242_12_L32	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	C	6-10	2	1,3-7	B2.404	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N32				
5	MLM306_242_12_L32	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	4	13-21	B2.502	TĐ	KHXX	18/07/2025	S3	TĐ	K12N32		X		
6	AMA303_242_12_L32	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	6	13-21	B2.404	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N32				
7	MAG701_242_12_L32	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	7	13-18	B2.401	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N32				
8	SOC303_242_12_L32	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	5	13-18	B2.602	TĐ	KHXX	19/07/2025	S1	TĐ	K12N32		X		
	KHÓA 12 NHÓM 33	QTKD																				
1	MES302_242_12_L33	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 8	B2.403 B2.704	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N33				
2	LAW304_242_12_L33	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.701	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N33				
3	ACC301_242_12_L33	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.504	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N33				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	SKL309_242_12_L33	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	S	1-5	5	1,3-7	B2.704	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N33				
5	MLM306_242_12_L33	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	5	13-21	B2.704	TĐ	KHXX	18/07/2025	S3	TĐ	K12N33		X		
6	AMA303_242_12_L33	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	2	13-21	B2.402	TĐ	KHDL	15/07/2025	1	TĐ	K12N33				
7	MAG701_242_12_L33	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	4	13-18	B2.502	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N33				
8	SOC303_242_12_L33	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	7	13-18	B2.501	TĐ	KHXX	19/07/2025	S1	TĐ	K12N33		X		
	KHÓA 12 NHÓM 34	QTKD																				
1	MES302_242_12_L34	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	7 5	1,3-7,9,10 8	B2.307 B2.701	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N34				
2	LAW304_242_12_L34	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.701	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N34				
3	ACC301_242_12_L34	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.701	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N34				
4	SKL309_242_12_L34	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	C	6-10	5	1,3-7	B2.701	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N34				
5	MLM306_242_12_L34	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	5	13-21	B2.603	TĐ	KHXX	18/07/2025	S3	TĐ	K12N34		X		
6	AMA303_242_12_L34	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	2	13-21	B2.404	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N34				
7	MAG701_242_12_L34	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	4	13-18	B2.503	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N34				
8	SOC303_242_12_L34	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	7	13-18	B2.402	TĐ	KHXX	19/07/2025	S2	TĐ	K12N34		X		
	KHÓA 12 NHÓM 35	QTKD																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	MES302_242_12_L35	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	2 4	1,3-8,10 8	B2.402 B2.502	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N35				
2	LAW304_242_12_L35	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	7 4	1,3-7,9,10 9	B2.404 B2.501	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N35				
3	ACC301_242_12_L35	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.603	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N35				
4	SKL309_242_12_L35	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	S	1-5	4	1,3-7	B2.601	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N35				
5	MLM306_242_12_L35	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	6	13-21	B2.501	TĐ	KHXX	18/07/2025	S3	TĐ	K12N35		X		
6	AMA303_242_12_L35	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	7 5	13-18,20,21 19	B2.502 B2.803	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N35				
7	MAG701_242_12_L35	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	5	13-18	B2.801	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N35				
8	SOC303_242_12_L35	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	3	13-18	B2.603	TĐ	KHXX	19/07/2025	S2	TĐ	K12N35		X		
	KHÓA 12 NHÓM 36	QTKD																				
1	MES302_242_12_L36	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	2 4	1,3-8,10 8	B2.501 B2.603	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N36				
2	LAW304_242_12_L36	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	7 4	1,3-7,9,10 9	B2.401 B2.105	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N36				
3	ACC301_242_12_L36	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.701	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N36				
4	SKL309_242_12_L36	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	C	6-10	4	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N36				
5	MLM306_242_12_L36	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	6	13-21	B2.501	TĐ	KHXX	18/07/2025	C1	TĐ	K12N36		X		
6	AMA303_242_12_L36	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	7 5	13-18,20,21 19	B2.403 B2.604	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N36				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	MAG701_242_12_L36	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	C	6-10	5	13-18	B2.604	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N36				
8	SOC303_242_12_L36	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	C	6-10	3	13-18	B2.602	TĐ	KHXX	19/07/2025	S2	TĐ	K12N36		X		
	KHÓA 12 NHÓM 37	QTKD																				
1	MES302_242_12_L37	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.801	TĐ	KTQT	26/04/2025	3	TĐ	K12N37				
2	LAW304_242_12_L37	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	2 3	1,3-8,10 8	B2.403 B2.702	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N37				
3	ACC301_242_12_L37	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 9	B2.501 B2.702	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N37				
4	SKL309_242_12_L37	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	QTKD	12	S	1-5	3	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N37				
5	MLM306_242_12_L37	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	7 3	13-18,20,21 19	B2.503 B2.604	TĐ	KHXX	18/07/2025	C1	TĐ	K12N37		X		
6	AMA303_242_12_L37	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	4	13-21	B2.503	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N37				
7	MAG701_242_12_L37	Nhập môn quản trị kinh doanh	2	30	Cơ sở ngành	QTKD	12	S	1-5	3	13-18	B2.604	TĐ	QTKD	16/07/2025	1	TĐ	K12N37				
8	SOC303_242_12_L37	Tâm lý học	2	30	GDĐC	QTKD	12	S	1-5	6	13-18	B2.502	TĐ	KHXX	19/07/2025	S2	TĐ	K12N37		X		
	KHÓA 12 NHÓM 38	KT																				
1	AMA301_242_12_L38	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	2	1,3-7	407 504	36 TTĐ	KHDL	26/04/2025	2	Q.1	K12N38				
2	LAW304_242_12_L38	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	5	1,3-10	505	36 TTĐ	LKT	29/04/2025	3	Q.1	K12N38				
3	ACC301_242_12_L38	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	3	1,3-10	502	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	1	Q.1	K12N38				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
4	SKL309_242_12_L38	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	C	6-10	6	1,3-7	504	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N38				
5	MLM306_242_12_L38	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	3	13-21	502	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	C1	TĐ	K12N38		X		
6	MES302_242_12_L38	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	5	13-21	502	36 TTĐ	KTQT	14/07/2025	3	Q.1	K12N38				
7	AMA303_242_12_L38	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	2	13-21	503	36 TTĐ	KHDL	15/07/2025	1	Q.1	K12N38				
	KHÓA 12 NHÓM 39	KT																				
1	AMA301_242_12_L39	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	2	1,3-7	407 504	36 TTĐ	KHDL	26/04/2025	2	Q.1	K12N39				
2	LAW304_242_12_L39	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	5	1,3-10	505	36 TTĐ	LKT	29/04/2025	3	Q.1	K12N39				
3	ACC301_242_12_L39	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	3	1,3-10	503	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	1	Q.1	K12N39				
4	SKL309_242_12_L39	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	S	1-5	6	1,3-7	504	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N39				
5	MLM306_242_12_L39	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	3	13-21	503	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	C1	TĐ	K12N39		X		
6	MES302_242_12_L39	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	5	13-21	504	36 TTĐ	KTQT	14/07/2025	3	Q.1	K12N39				
7	AMA303_242_12_L39	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	2	13-21	503	36 TTĐ	KHDL	15/07/2025	1	Q.1	K12N39				
	KHÓA 12 NHÓM 40	KT																				
1	AMA301_242_12_L40	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	3	1,3-7	B2.702	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N40				
2	LAW304_242_12_L40	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	6	1,3-10	B2.702	TĐ	LKT	29/04/2025	4	TĐ	K12N40				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
3	ACC301_242_12_L40	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	4	1,3-10	B2.703	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N40				
4	SKL309_242_12_L40	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	C	6-10	2	1,3-7	B2.502	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N40				
5	MLM306_242_12_L40	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	6	13-21	B2.502	TĐ	KHXX	18/07/2025	C1	TĐ	K12N40		X		
6	MES302_242_12_L40	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	4	13-21	B2.504	TĐ	KTQT	14/07/2025	3	TĐ	K12N40				
7	AMA303_242_12_L40	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	3	13-21	B2.603	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N40				
	KHÓA 12 NHÓM 41	KT																				
1	AMA301_242_12_L41	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	3	1,3-7	B2.703	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N41				
2	LAW304_242_12_L41	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.604	TĐ	LKT	29/04/2025	4	TĐ	K12N41				
3	ACC301_242_12_L41	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	4	1,3-10	B2.602	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N41				
4	SKL309_242_12_L41	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	S	1-5	2	1,3-7	B2.404	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N41				
5	MLM306_242_12_L41	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	6	13-21	B2.503	TĐ	KHXX	18/07/2025	C2	TĐ	K12N41		X		
6	MES302_242_12_L41	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	4	13-21	B2.504	TĐ	KTQT	14/07/2025	3	TĐ	K12N41				
7	AMA303_242_12_L41	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	3	13-21	B2.701	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N41				
	KHÓA 12 NHÓM 42	KT																				
1	AMA301_242_12_L42	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	2	1,3-7	B2.503	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N42				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	LAW304_242_12_L42	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	5	1,3-10	B2.702	TĐ	LKT	29/04/2025	4	TĐ	K12N42				
3	ACC301_242_12_L42	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	3	1,3-10	B2.703	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N42				
4	SKL309_242_12_L42	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	C	6-10	6	1,3-7	B2.703	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N42				
5	MLM306_242_12_L42	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	4	13-21	B2.601	TĐ	KHXX	18/07/2025	C2	TĐ	K12N42		X		
6	MES302_242_12_L42	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	C	6-10	2	13-21	B2.501	TĐ	KTQT	14/07/2025	3	TĐ	K12N42				
7	AMA303_242_12_L42	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	C	6-10	5	13-21	B2.701	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N42				
	KHÓA 12 NHÓM 43	KT																				
1	AMA301_242_12_L43	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	2	1,3-7	B2.501	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N43				
2	LAW304_242_12_L43	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.802	TĐ	LKT	29/04/2025	4	TĐ	K12N43				
3	ACC301_242_12_L43	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.704	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N43				
4	SKL309_242_12_L43	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KT	12	S	1-5	6	1,3-7	B2.701	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N43				
5	MLM306_242_12_L43	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	4	13-21	B2.601	TĐ	KHXX	18/07/2025	C2	TĐ	K12N43		X		
6	MES302_242_12_L43	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	KT	12	S	1-5	2	13-21	B2.403	TĐ	KTQT	14/07/2025	3	TĐ	K12N43				
7	AMA303_242_12_L43	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KT	12	S	1-5	5	13-21	B2.802	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N43				
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 12 NGÀNH KẾ TOÁN (SV đăng ký 1 học phần tự chọn)																				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
1	SOC303_242_12_L38	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	3	13-18	B2.702	TĐ	KHXX	19/07/2025	S2	TĐ	K12		X	X	X
2	SOC303_242_12_L39	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	3	13-18	B2.604	TĐ	KHXX	19/07/2025	S3	TĐ	K12		X	X	X
3	SOC301_242_12_L01	Cơ sở văn hóa Việt Nam (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	4	13-21	B2.602	TĐ	KHXX	19/07/2025	S3	TĐ	K12		X	X	X
4	SOC301_242_12_L02	Cơ sở văn hóa Việt Nam (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	4	13-18	B2.602	TĐ	KHXX	19/07/2025	S3	TĐ	K12		X	X	X
5	MLM305_242_12_L01	Logic học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	5	13-18	B2.803	TĐ	KHXX	19/07/2025	1	TĐ	K12			X	X
6	MLM305_242_12_L02	Logic học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	5	13-18	B2.702	TĐ	KHXX	19/07/2025	1	TĐ	K12			X	X
7	ITS723_242_12_L42	Logic ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	S	1-5	2	13-18	B2.404	TĐ	HTTT	19/07/2025	2	TĐ	K12			X	X
8	ITS723_242_12_L43	Logic ứng dụng trong kinh doanh (tự chọn)	2	30	GDĐC	KT	12	C	6-10	2	13-18	B2.502	TĐ	HTTT	19/07/2025	2	TĐ	K12			X	X
	KHÓA 12 NHÓM 44	KTQT (TABP)																				
1	AMA303_242_12_L44	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KTQT	12	C	6-10	3	1,3-10	503	36 TTĐ	KHDL	26/04/2025	4	Q.1	K12N44				
2	LAW304_242_12_L44	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	C	6-10	2 4	1,3-8,10 8	501 301	36 TTĐ	LKT	29/04/2025	3	Q.1	K12N44				
3	ACC301_242_12_L44	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	C	6-10	6	1,3-10	505	36 TTĐ	KT-KT	28/04/2025	2	Q.1	K12N44				
4	SKL309_242_12_L44	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KTQT	12	C	6-10	4	1,3-7	301	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N44				
5	INE314_1_242_12_L44	Nhập môn ngành kinh tế quốc tế	2	30	Cơ sở ngành	KTQT	12	C	6-10	2	13-18	504	36 TTĐ	KTQT	14/07/2025	4	Q.1	K12N44				
6	MLM306_242_12_L44	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KTQT	12	C	6-10	5	13-21	503	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	C2	TĐ	K12N44		X		

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	INE723_242_12_TA44	Microeconomics Kinh tế học vi mô (TA)	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	C	6-10	6	13-21	406	36 TTĐ	KTQT	16/07/2025	2	Q.1	K12N44				
	KHÓA 12 NHÓM 45	KTQT (TABP)																				
1	AMA303_242_12_L45	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	KTQT	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.901	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N45				
2	LAW304_242_12_L45	Luật kinh doanh	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	S	1-5	2 4	1,3-8,10 8	B2.601 B2.602	TĐ	LKT	29/04/2025	3	TĐ	K12N45				
3	ACC301_242_12_L45	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	S	1-5	6	1,3-10	B2.704	TĐ	KT-KT	28/04/2025	2	TĐ	K12N45				
4	SKL309_242_12_L45	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	KTQT	12	S	1-5	4	1,3-7	B2.602	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N45				
5	INE314_1_242_12_L45	Nhập môn ngành kinh tế quốc tế	2	30	Cơ sở ngành	KTQT	12	S	1-5	2	13-18	B2.601	TĐ	KTQT	14/07/2025	4	TĐ	K12N45				
6	MLM306_242_12_L45	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	KTQT	12	S	1-5	5	13-21	B2.901	TĐ	KHXX	18/07/2025	C2	TĐ	K12N45		X		
7	INE723_242_12_TA45	Microeconomics Kinh tế học vi mô (TA)	3	45	Cơ sở ngành	KTQT	12	S	1-5	6	13-21	B2.601	TĐ	KTQT	16/07/2025	2	TĐ	K12N45				
	HỌC PHẦN TỰ CHỌN	KHÓA 12 NGÀNH KTQT (TABP) (SV đăng ký 1 học phần tự chọn)																				
1	SOC301_242_12_L03	Cơ sở văn hóa Việt Nam (tự chọn)	2	30	GDĐC	KTQT	12	S	1-5	3	13-18	B2.703	TĐ	KHXX	19/07/2025	S3	TĐ	K12		X	X	X
2	SOC303_242_12_L44	Tâm lý học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KTQT	12	S	1-5	4	13-18	B2.603	TĐ	KHXX	19/07/2025	S3	TĐ	K12		X	X	X
3	MLM305_242_12_L03	Logic học (tự chọn)	2	30	GDĐC	KTQT	12	C	6-10	7	13-18	B2.404	TĐ	KHXX	19/07/2025	1	TĐ	K12			X	X
	KHÓA 12 NHÓM 46	HTTTQL (TABP)																				
1	ITS318_242_12_L46	Cơ sở lập trình	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	C	6-10	5	1,3-10	C204	TĐ	HTTT	29/04/2025	4	TĐ	K12N46	X			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
2	ITS304_242_12_L46	Hệ thống thông tin quản lý	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	C	6-10	4	13-21	B2.603	TĐ	HTTT	19/07/2025	2	TĐ	K12N46				
3		Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
4		Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
5		Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
6		Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
7		Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
8		Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	Đăng ký ghép với các lớp tại CS Quận 1														X
	KHÓA 12 NHÓM 47	HTTTQL (TABP)																				
1	AMA301_242_12_L47	Toán cao cấp 1	2	30	GDĐC	HT TTQL	12	S	1-5	4	1,3-7	B2.603	TĐ	KHDL	26/04/2025	4	TĐ	K12N47				
2	ITS318_242_12_L47	Cơ sở lập trình	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	S	1-5	5	1,3-10	C304	TĐ	HTTT	29/04/2025	4	TĐ	K12N47	X			
3	ACC301_242_12_L47	Nguyên lý kế toán	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	S	1-5	7 6	1,3-7,9,10 8	B2.502 B2.701	TĐ	KT-KT	28/04/2025	4	TĐ	K12N47				
4	SKL309_242_12_L47	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	HT TTQL	12	S	1-5	6	1,3-7	B2.702	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N47				
5	AMA303_242_12_L47	Lý thuyết xác suất thống kê toán	3	45	GDĐC	HT TTQL	12	S	1-5	4	13-21	B2.604	TĐ	KHDL	15/07/2025	2	TĐ	K12N47				
6	ITS304_242_12_L47	Hệ thống thông tin quản lý	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	S	1-5	3	13-21	B2.704	TĐ	HTTT	19/07/2025	2	TĐ	K12N47				
7	MLM306_242_12_L47	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	HT TTQL	12	S	1-5	7 5	13-18,20,21 21	B2.504 B2.803	TĐ	KHXX	18/07/2025	C3	TĐ	K12N47		X		
8	MES302_242_12_L47	Kinh tế học vi mô	3	45	Cơ sở ngành	HT TTQL	12	S	1-5	6	13-21	B2.504	TĐ	KTQT	14/07/2025	3	TĐ	K12N47				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
	KHÓA 12 NHÓM 48	NNA (ĐB)																				
1	ENP744_242_12_L48	Tiếng Anh 2: Đọc 2	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	C	6-10	3	1,3-10	504	36 TTĐ	NN	26/04/2025	2	Q.1	K12N48				
2	ENP749_242_12_L48	Tiếng Anh 2: Viết 2	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	C	6-10	5	1,3-10	301	36 TTĐ	NN	29/04/2025	4	Q.1	K12N48				
3	ENP738_242_12_L48	Tiếng Anh 2: Nghe - Nói 2	4	60	Cơ sở ngành	NNA	12	C	6-10	6 4	1,3-10 8-10	301 505	36 TTĐ	NN	24/04/2025	5	TĐ	K12N48		X		
4	SKL309_242_12_L48	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	NNA	12	C	6-10	2	1,3-7	502	36 TTĐ	TTĐT	Tiểu luận		Q.1	K12N48				
5	MLM306_242_12_L48	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	NNA	12	C	6-10	3	13-21	504	36 TTĐ	KHXX	18/07/2025	C3	TĐ	K12N48		X		
6	ENP749_242_12_L48	Tiếng Anh 3: Đọc 3	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	C	6-10	5	13-21	504	36 TTĐ	NN	14/07/2025	4	Q.1	K12N48				
7	ELI307_242_12_L48	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	GDĐC	NNA	12	C	6-10	2	13-18	505	36 TTĐ	NN	16/07/2025	2	Q.1	K12N48				
	KHÓA 12 NHÓM 49	NNA (ĐB)																				
1	ENP744_242_12_L49	Tiếng Anh 2: Đọc 2	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	S	1-5	3	1,3-10	B2.801	TĐ	NN	26/04/2025	3	TĐ	K12N49				
2	ENP749_242_12_L49	Tiếng Anh 2: Viết 2	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	S	1-5	5	1,3-10	B2.803	TĐ	NN	29/04/2025	3	TĐ	K12N49				
3	ENP738_242_12_L49	Tiếng Anh 2: Nghe - Nói 2	4	60	Cơ sở ngành	NNA	12	S	1-5	6 4	1,3-10 8-10	B2.703 B2.601	TĐ	NN	24/04/2025	5	TĐ	K12N49		X		
4	SKL309_242_12_L49	Kỹ năng thuyết trình chinh phục đối tác	2	30	KNM	NNA	12	S	1-5	2	1,3-7	B2.502	TĐ	TTĐT	Tiểu luận		TĐ	K12N49				
5	MLM306_242_12_L49	Triết học Mác Lê nin	3	45	GDĐC	NNA	12	S	1-5	3	13-21	B2.704	TĐ	KHXX	18/07/2025	C3	TĐ	K12N49		X		
6	ENP749_242_12_L49	Tiếng Anh 3: Đọc 3	3	45	Cơ sở ngành	NNA	12	S	1-5	5	13-21	B2.804	TĐ	NN	14/07/2025	4	TĐ	K12N49				

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
7	ELI307_242_12_L49	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	GDĐC	NNA	12	S	1-5	2	13-18	B2.501	TĐ	NN	16/07/2025	2	TĐ	K12N49				
	HỌC PHẦN GDTC	KHÓA 12																				
1	GYM301_242_12_DK01	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	2	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	31/03/2025	1	TĐ	K12				X
2	GYM301_242_12_DK02	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	2	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	31/03/2025	3	TĐ	K12				X
3	GYM301_242_12_DK03	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	2	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	31/03/2025	2	TĐ	K12				X
4	GYM301_242_12_DK04	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	2	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	31/03/2025	4	TĐ	K12				X
5	GYM301_242_12_DK05	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K12				X
6	GYM301_242_12_DK06	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K12				X
7	GYM301_242_12_DK07	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K12				X
8	GYM301_242_12_DK08	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K12				X
9	GYM301_242_12_DK09	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	1	TĐ	K12				X
10	GYM301_242_12_DK10	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	3	TĐ	K12				X
11	GYM301_242_12_DK11	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	2	TĐ	K12				X
12	GYM301_242_12_DK12	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	4	TĐ	K12				X
13	GYM301_242_12_DK13	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	5	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	03/04/2025	1	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
14	GYM301_242_12_DK14	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	5	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	03/04/2025	3	TĐ	K12				X
15	GYM301_242_12_DK15	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	5	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	03/04/2025	2	TĐ	K12				X
16	GYM301_242_12_DK16	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	5	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	03/04/2025	4	TĐ	K12				X
17	GYM301_242_12_DK17	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	6	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	04/04/2025	1	TĐ	K12				X
18	GYM301_242_12_DK18	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	6	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	04/04/2025	3	TĐ	K12				X
19	GYM301_242_12_DK19	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	6	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	04/04/2025	2	TĐ	K12				X
20	GYM301_242_12_DK20	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	6	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	04/04/2025	4	TĐ	K12				X
21	GYM301_242_12_DK21	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K12				X
22	GYM301_242_12_DK22	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	1	TĐ	K12				X
23	GYM301_242_12_DK23	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K12				X
24	GYM301_242_12_DK24	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	3	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	01/04/2025	2	TĐ	K12				X
25	GYM301_242_12_DK25	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	1	TĐ	K12				X
26	GYM301_242_12_DK26	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	4	1,3,4 5,6,7	KTX A-B	TĐ	GDQP	02/04/2025	3	TĐ	K12				X
27	GYM301_242_12_DK27	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	2	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	16/06/2025	1	TĐ	K12				X
28	GYM301_242_12_DK28	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	2	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	16/06/2025	3	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
29	GYM301_242_12_DK29	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	2	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	16/06/2025	2	TĐ	K12				X
30	GYM301_242_12_DK30	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	2	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	16/06/2025	4	TĐ	K12				X
31	GYM301_242_12_DK31	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	3	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	17/06/2025	1	TĐ	K12				X
32	GYM301_242_12_DK32	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	3	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	17/06/2025	3	TĐ	K12				X
33	GYM301_242_12_DK33	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	3	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	17/06/2025	2	TĐ	K12				X
34	GYM301_242_12_DK34	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	3	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	17/06/2025	4	TĐ	K12				X
35	GYM301_242_12_DK35	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	1	TĐ	K12				X
36	GYM301_242_12_DK36	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	3	TĐ	K12				X
37	GYM301_242_12_DK37	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	2	TĐ	K12				X
38	GYM301_242_12_DK38	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	4	TĐ	K12				X
39	GYM301_242_12_DK39	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	5	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	19/06/2025	1	TĐ	K12				X
40	GYM301_242_12_DK40	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	5	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	19/06/2025	3	TĐ	K12				X
41	GYM301_242_12_DK41	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	5	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	19/06/2025	2	TĐ	K12				X
42	GYM301_242_12_DK42	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	5	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	19/06/2025	4	TĐ	K12				X
43	GYM301_242_12_DK43	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	6	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	20/06/2025	1	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
44	GYM301_242_12_DK44	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	6	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	20/06/2025	3	TĐ	K12				X
45	GYM301_242_12_DK45	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	6	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	20/06/2025	2	TĐ	K12				X
46	GYM301_242_12_DK46	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	6	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	20/06/2025	4	TĐ	K12				X
47	GYM301_242_12_DK47	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	1-3 4-5	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	1	TĐ	K12				X
48	GYM301_242_12_DK48	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	6-8 9-10	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	3	TĐ	K12				X
49	GYM301_242_12_DK49	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	S	4-5 1-3	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	2	TĐ	K12				X
50	GYM301_242_12_DK50	Học phần GDTC 1 (Điền kinh)	1	15	GDTC	TCNH KT QTKD	12	C	9-10 6-8	4	13-15 16-18	KTX A-B	TĐ	GDQP	18/06/2025	4	TĐ	K12				X
	TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG	KHÓA 12																				
1	INE346_242_12_L01	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.602 B2.301	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
2	INE346_242_12_L02	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	2 5	1,3-8,10 7,8,9,10	B2.602 B2.201	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
3	INE346_242_12_L03	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	3 6	1,3-10 8,9,10	B2.902 B2.101	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
4	INE346_242_12_L04	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	3 6	1,3-10 8,9,10	B2.801 B2.101	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
5	INE346_242_12_L05	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	5 7	1,3-10 7,9,10	B2.902 B2.601	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
6	INE346_242_12_L06	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	5 7	1,3-10 7,9,10	B2.802 B2.403	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
7	INE346_242_12_L07	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	6 2	1,3-10 7,8,10	B2.704 B2.604	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
8	INE346_242_12_L08	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	6 2	1,3-10 7,8,10	B2.704 B2.604	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
9	INE346_242_12_L09	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	7 3	1,3-7,9,10 7,8,9,10	B2.503 B2.101	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
10	INE346_242_12_L10	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	4 2	1,3-10 4,5,6	B2.704 B2.604	TĐ	FLIC	29/04/2025	1	TĐ	K12				X
11	INE346_242_12_L11	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	2 5	1,3-8,10 3,4,5,6	B2.603 B2.201	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
12	INE346_242_12_L12	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	2 5	1,3-8,10 3,4,5,6	B2.603 B2.101	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
13	INE346_242_12_L13	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	3 5	1,3-10 4,5,6	B2.903 B2.301	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
14	INE346_242_12_L14	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	3 5	1,3-10 8,9,10	B2.802 B2.101	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
15	INE346_242_12_L15	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	5 7	1,3-10 4,5,6	B2.101 B2.601	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
16	INE346_242_12_L16	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	5 7	1,3-10 4,5,6	B2.803 B2.403	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
17	INE346_242_12_L17	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	6 3	1,3-10 8,9,10	B2.801 B2.201	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
18	INE346_242_12_L18	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	6 3	1,3-10 8,9,10	B2.801 B2.702	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
19	INE346_242_12_L19	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	S	1-5	7 5	1,3-7,9,10 7,8,9,10	B2.504 B2.201	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
20	INE346_242_12_L20	Tiếng Anh tăng cường 2 (Intensive English 2)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	12	C	6-10	4 6	1,3-10 8,9,10	B2.801 B2.201	TĐ	FLIC	29/04/2025	2	TĐ	K12				X
21	INE347_242_12_L01	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.602 B2.502	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
22	INE347_242_12_L02	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 19,20,21	B2.504 B2.802	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
23	INE347_242_12_L03	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 6	13-21 19,20,21	B2.801 B2.502	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
24	INE347_242_12_L04	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 6	13-21 19,20,21	B2.701 B2.602	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
25	INE347_242_12_L05	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	13-21 18,20,21	B2.902 B2.604	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
26	INE347_242_12_L06	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	13-21 18,20,21	B2.703 B2.501	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
27	INE347_242_12_L07	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 2	13-21 19,20,21	B2.601 B2.701	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
28	INE347_242_12_L08	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 2	13-21 19,20,21	B2.503 B2.603	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
29	INE347_242_12_L09	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 3	13-18,20,21 18,19,20,21	B2.601 B2.101	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
30	INE347_242_12_L10	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 2	13-21 16,17,18	B2.604 B2.603	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
31	INE347_242_12_L11	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.603 B2.801	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
32	INE347_242_12_L12	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 16,17,18	B2.601 B2.802	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
33	INE347_242_12_L13	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 5	13-21 15,16,17	B2.802 B2.301	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
34	INE347_242_12_L14	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 5	13-21 19,20,21	B2.702 B2.803	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
35	INE347_242_12_L15	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 7	13-21 15,16,17	B2.903 B2.604	TĐ	FLIC	09/07/2025	1	TĐ	K12				X
36	INE347_242_12_L16	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 7	13-21 15,16,17	B2.704 B2.501	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
37	INE347_242_12_L17	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	13-21 19,20,21	B2.602 B2.201	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
38	INE347_242_12_L18	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	13-21 19,20,21	B2.504 B2.704	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
39	INE347_242_12_L19	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	13-18,20,21 18,19,20,21	B2.602 B2.301	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
40	INE347_242_12_L20	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	13-21 19,20,21	B2.701 B2.703	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
41	INE347_242_12_L21	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	2 5	13-21 19,20,21	B2.604 B2.201	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
42	INE347_242_12_L22	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	2 5	13-21 16,17,18	B2.602 B2.803	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
43	INE347_242_12_L23	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	3 4	13-21 19,20,21	B2.803 B2.603	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
44	INE347_242_12_L24	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	3 4	13-21 16,17,18	B2.703 B2.703	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
45	INE347_242_12_L25	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	5 2	13-21 19,20,21	B2.101 B2.702	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
46	INE347_242_12_L26	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	5 2	13-21 19,20,21	B2.801 B2.604	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
47	INE347_242_12_L27	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	6 3	13-21 19,20,21	B2.603 B2.301	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
48	INE347_242_12_L28	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	6 3	13-21 16,17,18	B2.601 B2.704	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
49	INE347_242_12_L29	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	S	1-5	7 5	13-18,20,21 14,15,16,17	B2.603 B2.201	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X
50	INE347_242_12_L30	Tiếng Anh tăng cường 3 (Intensive English 3)	4	60	TATC	TCNH KT QTKD	11	C	6-10	4 6	13-21 16,17,18	B2.702 B2.602	TĐ	FLIC	09/07/2025	2	TĐ	K12				X

Ghi chú:

- 36TTĐ: Cơ sở 36 Tôn Thất Dạm, Quận 1, Tp. HCM.
- 39HN: Cơ sở 39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM.
- TĐ: Cơ sở 56 Hoàng Diệu 2, Tp. Thủ Đức.

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH	KHÓA	BUỔI	CA/ TIẾT	THỨ	TUẦN	GB HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	CƠ SỞ THI	NHÓM	GHI CHÚ 1 (HỌC PM)	GHI CHÚ 2 (THI PM)	GHI CHÚ 3 (Tự chọn) Định hướng	GHI CHÚ 4 (Đk riêng)
-----	--------	--------------	----	---------	----------------	-------	------	------	----------	-----	------	--------	-----------	---------	----------	--------	-----------	------	--------------------	--------------------	--------------------------------	----------------------

Nơi nhận:

- Các Khoa;
- Phòng KT&ĐBCL; P. Ttra; VP; P. QTTS; P.TCKT; P. QLCNTT;
- Phòng TS&TT; FLIC; TTĐT TCNH;
- Lưu: PQLĐT.